

NĂM THỨ SÁU - Số 142-143 ĐUỐC-TUỆ 15 Oct. và 1<sup>er</sup> Nov. 1940

PHẬT-GIÁO HỘI  
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1<sup>er</sup> VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ nhiệm : Nguyễn-năng-Quê  
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo  
Quản-lý : Cung-dinh-Bính

Chánh chủ-bút : Phan-chung-Thứ  
Sư cụ chùa Bằng-ở  
Phó chủ-bút : Dương-vân-Hiền  
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIA BAO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

## MỤC - LỤC

Số bài	Số trang
Vì sao tôi tin Phật-giáo	3-22
Phật-luật-học	23-26
Chuyện các thánh tăng	26-44
Thời sự	44-46
Phương danh các vị cúng tiến làm chùa Hội-quán	45-46



### TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CŨ

Mme Hà-thị-Sợi, 39 Phố hàng Nón Hanoi, viên tịch ngày 12 Décembre 1910.

M. Phạm-công-Phách, ở làng Ngải-đông, phủ Vĩnh-bảo Hai-dương, viên tịch ngày 27 Septembre 1940.

Sư Cụ Nguyễn-Xuân trụ trì chùa Đông-phúc, làng Ngải-đông, phủ Vĩnh-bảo Hai-dương, viên tịch ngày 4 Octobre 1940.

M. Đào-quang-Tự, ở làng Cỗ-am, Phủ Vĩnh-bảo Hai-dương, viên tịch ngày 8 Novembre 1940.

Mme Trần-thị-Thoái ở làng Ngải-đông, phủ Vĩnh-bảo Hai-dương, viên tịch ngày 12 Novembre 1940;

Cụ Nguyễn-thị-Chiền ở làng Hoàng-mai, huyện Hoàn-long Hadrông, viên tịch ngày 23 Décembre 1940.

## Vì sao tôi tin Phật - giáo

**Bài giảng của cư sĩ Bernard L. Bronghton,  
Phó Hội-trưởng hội Bồ đề nước Anh-cát-lợi(1)**

Tôi đối với Phật pháp có duyên sớm lắm. Hồi tôi mới 16 tuổi vì có người bà con sang làm việc quan ở bên nước Diển-điện, có gửi về nước Anh cho tôi một ít sách vở, trong đó có một quyển nói về Phật-giáo. Lời nói tuy nóng thường, nhưng tôi xem qua . ột lượt, thấy có lý thú lắm; và cảm giác thấy rằng những sự sướng khổ của thế-gian, có nhiều nỗi khác nhau, trong đó tất có một cái nhân. Thế thì cái thuyết nghiệp-nhân quả-báo của Phật giáo, có lẽ là đích thực, vì thế cho nên tôi lại càng tin. Sau tôi đọc đến câu thơ « Ánh sáng của châu Á » tôi lại càng thích lắm. Khi tôi đã lớn hơn, có một lần tôi bị một sự khốn nạn, bỗng gặp một người Tàu bảo tôi niệm bốn chữ « Quán-âm bồ-tát » tôi liền tin nghe, mà bấy giờ tôi vẫn còn chưa biết cái danh hiệu Quán-thế-âm ấy, tiếng phạn kêu là « Bà lô yết đế thước bát ra gia » thế mà cũng được qua cầu thoát nạn thực. Sau đó tôi lại đọc được bộ Phật sử

(1) Trong vòng hai ba mươi năm nay, ở bên Âu-Tây cũng đã có ít nhiều người tin Phật học Phật, nhưng kể về phần đã tin sâu đã thực hành đã tâm đắc được bí chỉ hai môn tu Thiền tu Tịnh, như Bàn-lạc-Dăng (Mr Bernard L. Bronghton) cư-sĩ, thì thực là hiếm có. Mới rồi cư sĩ sang qua Thiên-tân-lưu lại mấy hôm, khi từ đã đi, có diễn-thuyết ở Hội Phật-giáo công-dức làm, toàn bài diễn văn của cư-sĩ, lời văn đơn giản, ý tứ sâu-xa, lòng mộ đạo chí thành chí thiết, chí phán đoán rất-chính rất công, thật đáng làm gương cho các Phật-giáo-đồ ta. Nên tôi mới y văn dịch ra đề cống hiến các giáo-hữu.

hành-tân kinh và ba kinh Tịnh-độ và những bộ kinh đã dịch ở trong tạng Đông-phương thánh-thư. Gần chỗ tôi ngụ lúc đó, có một quả núi nhỏ, hàng ngày tôi vẫn lên đó mà học phép quán mặt trời lặn.

Khi trận đại chiến ở Âu-châu phát sinh ra, tôi mới 36 tuổi, vẫn còn hạn tuổi phải đi lính, vì tôi không thích tham dự vào chiến tranh, nên thường niệm đến danh hiệu Quán-âm bồ tát, đến khi điều tra sổ lính, thì các viên chức giữ việc điều tra lại biến nhầm số tuổi của tôi, vì thế mà được miễn lính, từ đó tôi lại càng tin sâu rằng Phật-pháp thực có thể làm cho người ta được ích lợi ngay trước mắt vậy.

Khi hội Phật-giáo Đại bất Liệt-diễn ở Ái-nhĩ-Lan thành lập, tôi cùng với quan Hải quân Thiếu-ủy là Ái-lạp-Mạch và các ông như bác sĩ Cao-văn, ông Bùi án, vân vân.. cùng nhau gắng sức làm việc, rất là hưng thú. Năm 1920 ông Cư-sĩ Đạt-ma-ba-la ở Ấn-độ lại sang nước Anh, tuyên truyền Phật giáo, rồi tổ chức thành một chi nhánh hội Đại-bồ đề. Nhờ các hội-viên trong chi nhánh ấy hết sức vận động, mới xây đắp lên một ngôi chùa ở trong kinh thành Luân đôn. Khi xong chùa mời một vị tín-sĩ xuất-gia rồi, đến trụ trì và lưu cả mấy vị sư Diễn-điện, Xiêm-la cùng ở, hoàn toàn thành một cái quy mô như các chùa bên Đông-phương, ấy là một ngôi chùa có trước nhất ở bên Châu Âu, từ đó tôi thường thường tới đó mà chiêm lễ vui thú lạ thường.

Sau đó tôi lại quyết chí thân chính đi thăm hết thủy các nước Phật-giáo bên Đông-phương. Bắt đầu tôi đến Tích-lan cồ-luân-mẫu, khi bước chân lên bờ, tôi liền đi du lịch các nơi như chùa núi Vô-úy, tháp Xá-lị Phật, điện Chơn-du, chùa thờ răng Phật v.v. lại tham dự đàn giới bát-quan-chai ở Tích-lan một ngày một đêm. Từ Tích-lan quay sang

Diên-diên, Xiêm-la, rồi vào Ấn-độ. Khi tới ở Xiêm, co đến các chỗ Hàn-cốc an-khu-nhĩ, xem những thắng tích, trên núi còn lối chân Phật, lại sang Annam, qua Hải-phòng, lên Hà-nội, lại trở về Ấn-độ, đi ngược giòng sông Y-nặc hoa mà lên, phong cảnh tuyệt đẹp, tới xem Lan-cống, lễ tháp Đại-kim, khi vào biệt-cốc, lễ tượng Phật nằm lớn, rồi đến Mai-đạt-lạp xem chùa La-hán và 716 tòa tháp. Rẽ sang phía Đông tới Tạp-nhĩ khách-đạt, khi lên bờ rồi liền đi lễ các Phật-tích. Bắt đầu tới xứ Phát-dà gia-da tức là chỗ Phật tu thành đạo, lễ cây Bồ-đề và tòa Kim-cương, qua sông Ny liên, xem chỗ Phật tu khổ hạnh và núi Chính-giác, thử đến vườn Lộc-giã, xem những di-tích các cung điện, xem cột đá của vua A-thân-cu, các nhà ngoại đạo tu khổ-hạnh, các con trâu thần của ấn-độ-giáo và các cung điện, rồi đến thành Vương-xá, xem các nền móng của thành mới còn lại và các nơi ngũ-sơn. sau đến núi Linh-thửu, có phần sáu dặm khó tới lắm, tới xem các chỗ Phật thuyết pháp, ngắm nghía các thành tích, thấy động mỗi cảm vô cùng. Từ đó đi đến chùa Lạc-đà xem các nền móng những phòng xá láng er còn đó, cũng còn tưởng tượng thấy cái cảnh Phật pháp lúc đó thịnh vượng là thế nào. Từ đó đi tới thành Câu-thi-la, tức là chỗ Phật vào Niết-bàn, lên lễ nhà Đại Niết bàn, xem chỗ đôn thiêu của Phật rồi tới vườn Lam-li-Ny, tức là chỗ Phật giáng sinh, chỗ ấy bây giờ thuộc vào địa phận của nước Ny-ba-la, ở phía bắc núi tuyết-sơn (tức núi Hỉ-mã-lạp) xa trông tuyết đọng trong núi, cảnh lượng dị kì, tưởng còn thành Ca-tỳ-la xưa, tự nhiên thấy tinh thần móng lung, như đã sang tận đấy rồi. Đoạn lại sang thành Xá-vệ xem những nền móng kỳ-viên tinh xá, rồi đến nước Kiện-đà xem các tượng Phật, ở bên ấn độ bây giờ chỉ còn có một xứ gọi là Kỳ-thâu-Cương,

còn có người tu về Đại-thừa, nhưng cũng đã biến tướng mất rồi, mà số người cũng còn ít thôi. Ngoài ra còn có nước Ng ba-la, còn là nước tu Đại-thừa, nghe nói còn giữ được nhiều kinh điển đại-thừa lắm. Cứ như chỉ nguyện tôi thì muốn cho Phật-pháp lưu hành sang châu Âu trước hết phải đem cái quy mô chùa tháp tượng pháp và tăng-lữ của Phật giáo Đông-phương mà vận tải đến Âu-châu, khiến cho người ta được trông thấy hình tướng trụ trì tam-bảo đã, rồi liếp theo đem Đại-thừa Phật-pháp mà truyền bá ra thì mới được. Vì rằng ở bên châu Âu, tuy cũng có người học Phật, nhưng phần nhiều là nghiên cứu theo Tiểu-thừa, đối với Đại-thừa Phật-pháp chân-chính, thực chưa biết qua một li nào, cho nên không bởi đâu mà được hưởng các lợi ích chân thật vậy. Còn như sự đem đại-thừa và tiểu-thừa mà so sánh nhau, thì đại-thừa hoàn toàn là siêu việt hẳn ra ngoài linh-kiến, tin được thực cũng khó lắm. Sau đó tôi lại đến Đại-cát-linh, ở đó có một vị Lạt-ma, nhiều người nói rằng ông ấy biết được cả nhân quả ba đời hiện tại, quá-khư và vị-lai. Vì thế tôi mới đến cầu-kiến. Ông vừa gặp tôi, liền khuyên tôi xuất gia làm Lạt-ma và nói ngay rằng lẽ-liên tôi là giống người cả hai nước Anh và Pháp. Sự đó cũng rất kỳ, vì tôi xem cứ như như hình ông Lạt-ma ấy, thì chưa chắc đã hiểu rằng trên cõi đời này có nước Anh lại có nước Pháp vậy. Tôi đến các xứ Diến-điền, Xiêm-la tôi thấy ở đó tuy còn có cái quy mô tiểu-thừa, lòng tin của nhân dân cũng tốt, nhưng cái tinh thần chân chính của Phật thì còn ít lắm, còn như bên An-nam thì tuy có nhiều chùa có sư, có lễ, lại có lẫn người Tàu ở nữa, cứ xét về phần thực tế, thì cái tinh thần Phật pháp rất là đời bại. Tôi cũng có qua Khang-ba dịch-á một lượt chỗ nào cũng có hình thức chấn hưng Phật-pháp, mà tinh thần thì thật không còn tý

gì. Sau tôi sang Tàu, tới Thượng-hải, bước chân lên bờ, đến chỗ nào cũng thấy toàn những khi vị buôn bán cạnh tranh, tôi đã chán ngán toan trở về, sau có người chỉ dẫn đến Tịnh-nghiệp xã và chùa Hải-trào. bấy giờ mới biết qua cái quy-mô Phật-pháp của nước Tàu. Từ đó tới Ninh-ba, tới núi Phổ-đà thấy có nhiều chùa chiền, tiếng chuông tiếng mõ, luôn luôn bên tai, nhưng vẫn chỉ thấy có một mối cảm, chỉ thấy hình-thức mà không thấy tinh-thần. Tôi cũng có đến lễ chỗ thờ Xá-lị. Cứ như lời của những người ở đây nói thì mỗi người trông thấy mỗi sắc người thì thấy sắc sáng rất đẹp, người thì thấy tối đen, sau khi tôi đến động Trào-âm, đang lúc ngẫm nghĩa, bỗng thấy đức Quán-âm đại sĩ hiện rõ sắc thân, tướng tốt rực rỡ, nói khôn xiết được, thực là khác hẳn cái hình ngậy thường vẫn tưởng tượng, lúc đó tôi thấy thân tâm tôi rung động mà vui mừng lạ, chỉ khẩn thềm rằng : « NỖI KHỔ THỂ GIÀU, THỰC LÀ KHÓ CHỊU NỖI, KHÔNG BIẾT TÌM CÁCH NÀO MÀ TỖ ĐỘ GIẢI THOÁT HẾT THẦY ? » liền trông thấy trong chỗ móng-lung dường như Đại-sĩ chỉ bảo cho rằng : « CỨ NHẤT TÂM HOẢNG DƯƠNG PHẬT PHÁP, TỰ KHẮC GÂY ĐƯỢC NHIỀU ĐIỀU LỢI ÍCH, CHỚ CÓ SỢ HÃI GÌ » Đó là cái tình hình tôi thấy trong tâm tôi lúc đó như thế, còn như Đại-sĩ làm thế nào mà chỉ bảo cho tôi biết và tôi làm thế nào mà hiểu được như thế, thì tôi cũng không làm thế nào mà nói ra được. Sau tôi nghe có người nói rằng câu chuyện Quán-âm Đại-sĩ hiện thân, là một câu chuyện của sư chùa Ấy ho bịa đặt để đánh lừa người, song tôi thì chính mắt tôi trông thấy chứ sư ở chùa ấy tịnh không có lừa tôi chút nào.

Khi tôi ở bên châu Âu nghe người ta nói và xem sách xem báo tựa hồ nước Tàu đã rối loạn đến cực điểm, không thể hình-dung được nữa, nhưng khi tôi đến nước Tàu rồi, thấy rõ tình hình nước Tàu, thực không có đúng như những lời người ta nói và sách

báo đã chép, mà tôi lại nhận thấy rằng nước Tàu so với nước khác, có chỗ còn tốt hơn kia. Sau đó tôi lên phương bắc, mới đến xứ Bắc-bình, mắt thấy có nhiều tang chứng cho nền văn-hóa và nghệ thuật, đủ biết cái nguồn tài lợi của Tàu sản xuất rất giàu và cái trình độ văn-hóa cũng rất cao, tự nhiên tôi lại chú ý xem xét đến Phật-giáo. Có một lần tôi đến xem nhà máy in đã ở Đại-đồng quan-vân-cương, tôi được xem cả toàn bộ kinh Pháp-hoa. Trong khi tôi xem, tôi mơ màng thấy sự tu hành hàng bao nhiêu kiếp như số bụi trần của đức Thích-ca như ở ngay trước mắt tôi, trong lòng rất là vui thích, không thể nói sao cho xiết được. Có một lần tôi ở Nam-khâu, xuyết bị chết rét, mà tôi cũng không thấy là khổ. Tôi tự nhận thấy tôi, dường như có duyên với nước Tàu lắm, có lẽ kiếp trước tôi cũng là người nước Tàu, cho nên trông thấy cảnh-trí sự-vật nước Tàu, đều thấy có vẻ thân-ái, y như chỗ quen biết cũ vậy. Các nước Phật-giáo tôi đã đi qua, mỗi nước tình hình một khác, song tôi tin rằng Phật-giáo ở nước Tàu là nguyên-chất, là còn sống mà thôi. Hiện nay tình hình thế-giới đã không yên như thế này, sau này tất có một phen biển lớn. Nước Tàu lại đang bị nạn, thì điều thứ nhất đừng có mơ-màng dường lạ người nước Tàu cứ dốt một lòng tin lời Phật nói, y theo giáo pháp mà vàng làm, đừng để cho cảnh ngoài nó lay động, đừng để các thuyết nhằm nhĩ nó làm mê hoặc. thì người nước Tàu tất tự tìm được con đường ra, lúc người nước Tàu đã tự tìm được con đường ra, ấy là người cả cõi đời đều tìm được con đường ra. Người nước Tàu nên lấy Phật-pháp mà tự cứu mình cứu người, đừng có sợ hãi, đừng có dụt dè.

Tôi đến các nơi Thượng-hải, Hán-khẩu, tôi thấy các Phật-giáo-dồ nước Tàu đều có nhiều đoàn-thể tổ-chức, nhiều sự hoạt-động, đó thực là một sự tốt. Nước Tàu có cái tiếng là nước hay loạn, là nước cùng khổ, hình



như rời nước khác giúp thì không sống được, nhưng thiệt ra thì tình hình nước ngoài nào có cái gì là tốt hơn nước Tàu đâu; Các chỗ cốt yếu của người nước Tàu, đến bây giờ điều thứ nhất là mình phải tin mình, tự tin mình có lực-lượng, có vật báu để tự cứu tự lợi mình, lại có thể cứu cho người khác nữa, chớ có sợ cái thế lực ở ngoài. Vậy thì người Tàu phải làm thế nào mới được đây? Cách đó rất đơn giản, chỉ cốt người nào cũng tin Phật nói, mở lòng bồ-đề, làm đạo bồ-đề, tức thì có thể cứu được mình, có thể cứu được cả nước. Lại có thể cứu được cả thế-giới nữa. Lấy lòng bồ-tát làm lòng mình, lấy nguyện bồ-tát làm nguyện mình, lấy hạnh bồ-tát làm hạnh mình, ngoài cách ấy ra còn có cái gì là có thể mong cầu được nữa không! Nước Tàu tuy có nhiều chùa, nhưng cũng cần phải phát tâm, phát khởi tinh thần, gánh vác lấy Phật-pháp mới được. Có nhiều người nói những người xuất-gia ở nước Tàu ngày nay, không có tài cán gì cả. Thế là: lời bàn hàm hồ, vơ đũa cả nắm, không đúng sự thực, phải nên biết rằng nhiều vị tăng tu đạo Đại-thừa, dù thế nào chúng ta cũng phải tôn-trọng bảo-lớn, để làm cái nhân-duyên tế độ cho thế-gian. Tôi tin rằng chỉ có phép Phật là có thể cứu được thế giới, chỉ có phép đại-thừa mới là đúng cái bản tâm của Phật, nước Tàu đã có những bộ kinh như kinh Hoa-nghiêm kinh Pháp-hoa rồi, còn phải cần chi ở ngoài nữa ru?!

Còn các tôn-giáo ở ngoài truyền vào nước Tàu, cũng đã lâu năm rồi, nhưng các ngài phải nên hiểu rằng Phật pháp là một pháp không có thể đem so sánh với tôn giáo khác được. Vì Phật pháp là Pháp siêu việt phạm tình, thoát ly tục-kiến, Phật pháp là pháp tuyệt đái (không gì sánh với được) Phật pháp cũng không phải là pháp chỉ nghiên cứu xuống mà chứng minh được hết, hết

thấy hết thấy. Phật pháp là hết thấy Pháp, hết thấy pháp tức là Phật pháp, còn có chi đối với chẳng đối, thực với chẳng thực, còn nói gì ngán với giải thị với phi được nữa. Xin hỏi cả đất lớn này, có một pháp gì không phải là Phật pháp không! Chung ta hãy xem hết thấy các sự ta đã thấy, đều là sinh diệt vô thường, mà cái sinh diệt vô thường đó, chính nó lại là cái bất sinh bất diệt, đó tức gọi là Phật-pháp vậy.

(1) Trên kia tôi đã nói chỉ cốt ở chỗ mở lòng Bồ đề và làm đạo Bồ tát, vậy thì mở lòng Bồ đề thế nào? Tôi xin dẫn hai phẩm phát-tâm và thế nguyện trong tập Phát-bồ-đề - tâm luận ra đây để các ngài nghe:

### 1. -- PHẦN PHÁT TÂM

*Bồ-tát làm thế nào mà mở được lòng Bồ-đề?*

1. — Phải thân gần các bậc thiện trí thức,
2. — Phải cùng dàng chư Phật.
3. — Phải tu tích thiện-căn,
4. — Phải rỗi chi cầu lấy chính pháp.
5. — Tâm phải thương nhu hòa.
6. — Gặp sự khổ hay nhẫn được,
7. — Từ bi thuần hậu,
8. — Cái tâm bình đẳng xâu xa,
9. — Tin thích đạo đại-thừa.
10. — Cầu lấy trí tuệ Phật.

*Lấy nhân-duyên gì mà tu lập cái lòng Bồ đề?*

### GIÁP: VÌ SỰ TỰ LỢI TỰ TU

A. — Phải nghĩ nhớ đến chư Phật

1. — Xuy nghĩ mười phương chư Phật ở đời quá khứ đời hiện tại đời vị lai lúc mới mở lòng, cũng có đủ

(1) Nguyên văn đoạn này phụ chép ở dưới, tôi đưa vào đây cho nghĩa văn liền nối đề độc-giả dễ hiểu hơn.

tính phiền não như ta ngày nay, mà kết cục đến thành chính giác, làm nên bậc lớn quý tột bậc.

2. - Xuy nghĩ đến hết thấy tam thể chư Phật, phát tâm rất dũng mãnh, rồi đều chứng được đạo bồ đề lột bậc cả, như thế thì đủ biết bồ-đề là cái pháp có thể tu lấy được, ta cũng có thể tu lấy được.

3 Xuy nghĩ hết thấy tam thể chư Phật, mở cái trí tuệ rất sáng láng, lời ngay cái sắc mình đó mà xây dựng được cái tâm cao quý hơn hết, bao nhiêu nỗi khổ tích tập từ xưa, đều nhờ sạch hết, mà vượt hẳn ra ngoài tam giới, ta cũng như thế thì cũng phải nên tự cứu tự nhờ lấy.

4. - Xuy nghĩ hết thấy tam thể chư Phật là bậc đại hùng trong loài người đều qua được cái bề lớn sinh tử phiền não. Ta cũng là bậc trượng-phu cũng có thể độ qua được.

5. - Xuy nghĩ hết thấy tam thể chư Phật phát tâm đại-tinh-tiến, bỏ cả thân cả mạng cả tiền tài mà cầu lấy cái tri biết-hết-thấy, thì ta cũng phải theo học như Phật.

### **B. - Quan sát những sự lỗi lầm tai vạ của cái thân**

1. - Tự quan sát rõ cái thân ngũ-uẩn tứ-đại của ta, đều hay gây nên không biết bao nhiêu là ác nghiệp mà muốn lìa bỏ đi ;

2. Tự quan sát cái thân ta, thấy chín khiến thường chảy ra những thứ hôi thối như bần mà sinh lòng chán ghét.

3. - Phải tự quan sát trong thân ta có không biết bao nhiêu là tham, sân, si phiền não nó thiêu đốt lòng lành mà muốn trừ diệt đi.

4. - Tự xem xét thấy cái thân của mình như cái bọt nước, sinh diệt luôn luôn, nó là cái vật nên bỏ mà muốn vứt bỏ đi.

5. - Tự xem xét thấy cái thân của mình, bị vô minh che lấp, thường gây nên ác nghiệp, phải luân hồi sáu ngã, không có lợi ích gì.

## C. — Cầu cái quả rất tốt

1. Vì thấy các Như-lai tướng tốt trang-nghiêm, sáng sủa trong suốt, ai gặp đều hết phiền não mà phải tu tập.

2. Vì thấy các Như-lai pháp thân thường trụ, thanh tịnh không nhơ mà phải tu tập.

3. Vì thấy các Như-lai có đủ những phép thanh-tịnh giới, định, tuệ (1) giải-thoát, giải-thoát tri-kiến mà phải tu tập.

4. Vì thấy các Như-lai có đủ thập lực (2) tứ-vô-úy (3) đại bi tâm niệm (4) mà phải tu tập.

(1) Giới : giới luật thanh tịnh ; định : lặng yên bất động ; tuệ : trí tuệ sáng láng ; giải thoát : chứt sạch phiền não ; giải thoát tri kiến : Có cái trí tuệ soi tỏ hết thảy mọi pháp là không, phá hết sự biết thấy lầm.

(2) Thập lực : 1. có trí-lực biết lẽ phải lẽ trái ; 2. có trí lực biết sự nghiệp báo quả khứ, vị lai và hiện tại ; 3. có trí-lực biết các phép thuyết-định giải thoát tam muội ; 4. có trí-lực biết mọi căn hơn kém ; 5. có trí-lực biết hết các sự ham muốn thiện ác của chúng-sinh khác nhau thế nào ; 6. có trí-lực biết được hết giới hạn của chúng sinh khác nhau thế nào ; 7. có trí-lực biết chỗ tu phép hữu-lậu và vô-lậu đến thế nào ; 8. có trí-lực biết xuất thiên nhãn vô ngại ; 9. có trí-lực biết xuất việc kiếp trước không sót gì ; 10. có trí-lực biết đoạn trừ hết thói quen.

(3) Tứ-vô-úy : 1. Có nhất thiết trí không sợ gì ; 2. Sạch hết hoặc nghiệp không sợ gì ; 3. Nói được hết sự tà ma ngoại đạo làm chướng đạo không sợ gì ; 4. Nói hết mọi sự khổ không sợ gì.

(4) Đại bi tâm niệm : 1. Chúng sinh tin Phật, Phật cũng thương không có vui mừng ; 2. chúng sinh không tin Phật, Phật cũng vẫn thương không có lo buồn ; 3. chúng sinh tin hay không tin Phật cũng vẫn thương, không vui mừng không lo buồn.

5. Vì thấy các Như-lai có nhất-thiết tri, thương xót chúng sinh, từ bi che khắp, hay làm một vị chân-chính đạo-sư cho hết thảy cái giống ngu mê mà phải tu lập.

### ẤT : VÌ THẤY CHỨNG SINH KHỔ NÃO

#### A. - Vô minh chẳng chói

1. Thấy các chúng sinh bị sự ngu si tình ái làm mê hoặc, chịu nỗi cực khổ.
2. Thấy các chúng sinh không tin nhân-quả, gây nên nghiệp ác.
3. Thấy các chúng sinh lìa bỏ chính pháp, lìa theo là đạo
4. Thấy chúng sinh chìm đắm trong sóng phiền não, bị tứ-lưu (1) làm trôi rạt

#### B. Bị mọi sự khổ chẳng chói

1. Thấy các chúng sinh cũng sự sinh, già, ốm, chết mà không tìm đường giải thoát lại còn gây nên nghiệp.
2. Thấy các chúng sinh bị lo, thương, khổ, não mà vẫn cứ gây nên luôn mãi, không ngớt lúc nào.
3. Thấy các chúng sinh bị khổ về nỗi yêu nhau mà phải biệt ly nhau, mà không giác ngộ, cứ tùy nơi phương tiện mà nhiễm mãi.
4. Thấy các chúng sinh bị khổ về nỗi oán thù gặp gỡ, thường gây nên sự ghen ghét, lại thêm thù oán.

#### C. - Tích góp những nghiệp chẳng lành

1. Thấy các chúng sinh vì lòng yêu muốn, làm mọi sự ác.
2. Thấy các chúng sinh biết sự ham muốn là sự sinh ra khổ, mà không bỏ sự ham muốn.
3. Thấy các chúng sinh tuy muốn cầu sướng mà không chịu tu lĩnh.

(1) Tứ-lưu : 1. bị sự thấy làm làm trôi dạt ; 2. bị sự nghĩ làm và tham dục làm trôi dạt ; 3. Vì chưa hết nhân quả làm trôi dạt ; 4. Vì ngu si làm trôi dạt.

4. Thấy các chúng sinh tuy không thích khổ, mà vẫn gây nên nhân khổ không ngớt.

#### D. — Gây nên tội ác nặng

1. Thấy các chúng sinh hủy phạm trọng giới, tuy có lo sợ mà vẫn phóng túng.

2. Thấy các chúng sinh gây nên những nghiệp ngũ-vô gián rất ác, mà vẫn hung ác ngoan cố, tự bênh vực mình không sinh từ thẹn.

3. Thấy các chúng sinh hủy báng đại-thừa chính pháp, ngu mà tự chấp là khôn, mới sinh ra kiêu ngạo lao lếu.

4. Thấy các chúng sinh tuy có tư chất thông minh, mà làm mất hết cả mầm lành, lại còn lên mặt ta đây không bao giờ hối đổi.

#### E. — Không tu chính pháp

1. Thấy các chúng sinh, sinh trong vòng tám nạn (1) không được nghe thấy chính pháp, không biết tu tỉnh làm lành

2. Thấy các chúng sinh gặp Phật ra đời, nghe nói chính pháp không hay váng giữ.

3. Thấy các chúng sinh tập nhiễm ngoại đạo, khổ thân mà chỉ tu thành cái nghiệp xa hẳn các phép giải thoát cốt yếu.

4. Thấy các chúng sinh tu được đến cõi định phi-tướng phi phi-tướng cho là Niết-bàn, khi hưởng hết phúc, lại đọa xuống ba đường khổ

Bồ-tát thấy các chúng sinh, vì vô-minh che lấp gây nên tội xấu, chịu khổ é chề, bỏ mất chính pháp, mất lối ra, vì những cơ ấy nên mới mở lòng từ-bi, quyết chí cầu đạo vô-thượng chính-đẳng chính-giác

---

(1) Tám nạn: 1. ở địa-ngục; 2. ở đường súc-sinh; 3. ở đường ma đói; 4. ở cõi trời trăng thọ; 5. ở châu Bắc uất-đan-việt; 6. mù, điếc, câm, ngọng; 7. có trí lấu linh; 8. sinh trước Phật hay sau Phật.

(biết lời chớ chân chính tốt bụng) như cứu lửa cháy nơi đầu vậy. Vì thế nên Bồ-tát nguyện rằng: hết thấy chúng sinh có khổ nào gì, ta đều cứu vớt cho hết, không sót một người nào.

## II. — PHẦN THỀ NGUYỆN

### GIÁP : LÀM THỀ NÀO MỞ ĐƯỜNG TỚI CÔI BỒ-ĐỀ

1. Nguyện đem hết thấy mầm lành của con đã tu từ kiếp trước cho chí kiếp này, đều thi cho hết thấy vô-biến chúng sinh, đều cùng hồi hướng tới đạo vô-thượng bồ đề. Khiến cho nguyện này của con luôn luôn thêm lớn, thường khăng khít ở trong lòng, không bao giờ quên mất, được sức tổng trì (đá la ny) giữ gìn cho.

2. Nguyện con hồi hướng tới bồ đề rồi, nhớ mầm lành ấy, sinh khắp nơi nào, cũng thường được cúng dàng hết thấy chư Phật, không phải sinh vào nơi không có Phật.

3. Nguyện con sinh vào đất nước của chư Phật rồi, thường được thân gần hầu hạ hai bên, như bóng theo hình, không rời chư Phật một giây phút nào.

4. Nguyện con được thân gần Phật rồi, tùy lực của con mà nói phép cho con nghe, thì chừng được năm món thần thông của bồ tát.

5. Nguyện con được năm món thần thông của bồ tát rồi, liền hiểu suốt hết cái tên tam-đạt của đời lưu truyền lại, mà hiểu thấu được cái tính chân như chân thật đệ-nhất nghĩa-đế, chừng được cái trí chính-pháp.

6. Nguyện con được cái trí chính pháp rồi, lấy lòng không chán nản mà nói pháp cho chúng sinh, chỉ bảo cho biết ích lợi vui mừng, khiến đều hiểu rõ cả.

7. Nguyện con đã mở bảo cho chúng sinh hiểu tỏ cả rồi lại lấy sức thần của Phật, đến khắp hết thấy mười phương thế giới mà cúng dàng chư Phật, vâng nghe chính pháp, độ khắp chúng sinh.

8. Nguyện con được tới khắp chỗ chư Phật vâng nghe chính pháp rồi, liền hay theo Phật quay bánh xe

pháp thanh tịnh, hết thầy chúng sinh trong mười phương thế-giới, nghe pháp của con, nghe thấy đến con, liền lìa bỏ được hết thầy phiền não mà mở lòng bồ-đề.

9. Nguyên con đã hay làm cho hết thầy chúng sinh đều mở lòng bồ-đề rồi thường theo gìn giữ, trừ những sự vô ích mà cho vô lượng sự sướng, bỏ cả thân mạng tại sẵn, lễ độ chúng sinh, gánh vác chính pháp.

10. Nguyên con đã gánh vác được chính-pháp rồi, tuy làm chính-pháp mà trong tâm không chấp là có làm gì, cũng như các bậc bồ tát làm việc chính-pháp, mà không có chỗ nào là làm, cũng không chỗ nào là không làm.

(Khi mới phát tâm cốt lấy lòng đại-bi làm đầu, vì lòng đại-bi, nên mới phát mười nguyện lớn, khắp cõi chúng sinh, nhiếp thụ hết thầy hằng hà sa nguyện. Nếu cái cõi lòng chúng sinh hết, nguyện ta mới hết. Mà cõi chúng sinh thực không thể hết được, nên cái nguyện lớn của ta, cũng không bao giờ hết).

### ẤT : LẤY NGHIỆP LÀNH GÌ MÀ VỀ THÀNH CÁI QUẢ BỒ - ĐỀ

A. Sáu phép ba la mật là cái nhân-chính bồ đề

1. Bồ thí là cái nhân bồ đề, vì hay nhiếp thụ được hết thụ chúng sinh

2. Trì giới là cái nhân bồ đề, vì đầy đủ mọi điều thiện, mãn được bản nguyện

3. Nhẫn nhục là cái nhân bồ đề, vì hay về thành 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp.

4. Tinh-tiến là cái nhân bồ đề, vì hay tăng thêm việc thiện mà đối với chúng sinh chăm chỉ giáo hóa,

5. Thuyền-dịnh là cái nhân bồ đề vì đã tự điều phục được mình, lại hay biết được cả tâm-hành của chúng sinh.

6. Trí tuệ là cái nhân bồ đề, vì có đầy đủ trí tuệ biết rõ linh tướng của mọi pháp.



(Sáu phép ba-la-mát là cái nhân chính bờ-đề, bốn vô-lượng tâm, 37 phẩm và vạn thiện hành là chợ-nhân, cùng cùng giúp nên Nếu bờ-lát tu tập sáu phép ba-la-mát này, tùy theo công hành ấy, dần dần được gần đạo vô-thượng chính-đẳng chính-giác).

### B. — Thề hay giữ được năm sự

1. Hay giữ tâm lòng bền chắc.
2. Hay chế phục các sự phiền-não,
3. Hay ngăn các sự phóng túng.
4. Hay phá được ngũ dãi (sắc đẹp, tiếng hay, tiền tài, an, ngủ)
5. Hay chừa tu sáu phép ba-la-mát.

(Cần đạo bờ-đề không nên phóng túng dãi dãi, vì cái nết phóng túng dãi dãi, nó hay làm hỏng mất tâm thanh. Nếu bờ-lát hay chế phục được sáu căn không cho phóng túng dãi dãi, thì mới hay tu sáu phép ba-la-mát được. Bờ-lát phát tâm, trước phải chi thành, quyết thề phát định, người đã quyết thề, thì không bao giờ dám trở nãi lười biếng nữa).

### C. — Lập sáu lời thề lớn chế phục cái nết phóng túng dãi dãi

1. Nếu có ai đến xin nài mọi thứ, lúc đó ta phải tùy lực có thì cho ngay, không hề có lòng lận tiếc một chút nào.
2. Nếu ta tri giới, cho đến mất mạng, cũng vẫn vững một lòng thanh sạch thề không hối đổi.
3. Nếu ta tu hạnh nhẫn nhục, bị người làm hại, cho chí chêm chặt cũng thường sinh lòng từ ái, thề không cău dận.
4. Nếu ta tu hạnh tinh tiến, gặp những nỗi nóng riel, vua quan, giặc giã, nước lửa, sự-lữ hồ-lang, không cơm không nước cũng vẫn một lòng bền bỉ, thề không lui bỏ.
5. Nếu ta tu thuyên-định, mà bị cảnh ngoài quá nhiều, không thu nhiếp được tâm lại, cũng phải giữ

dặt một mối nghi vào cảnh định, thề không cho các tướng rối loạn phi-pháp, nổi lên một phút nào.

6. Nếu ta tu tập trí-luệ, soi tỏ được cái tình chân thiệt của mọi pháp, tùy thuận thụ-trì, đối với mọi pháp hiện hay bất hiện, hữu-vi hay vô-vi, sinh tử hay niết-bàn, không hề khởi ý kiến cho là hai (bồ-tát lấy mười nguyện lớn, giữ được công hạnh chính pháp, lấy sáu điều thề lớn, chế được tâm lòng phóng-túng dỗi dãi, tất là chăm chỉ tu tập được sáu phép ba-la-mật mà thành được đạo vô-thượng chính-đẳng chính giác vậy.

Làm đạo bồ-tát như thế nào? — Tôi xin dẫn một trường Thập-hồi-hương trong kinh Hoà nghiêm ra đây để các ngài nghe :

1. Bồ-tát ma ha-tát, đã thề được cái tình hết thảy pháp bình-đẳng, đối với chúng sinh, không hề khởi một mối nghi coi như không phải là bạn thân. Vì dù có chúng sinh nào, đối với bồ-tát sinh lòng oán hại, bồ-tát vẫn coi bằng con mắt từ-bi, không hề oán hận tự cho mình là một người bạn tốt cho hết thảy chúng sinh mà diễn thuyết chính-pháp cho nghe, khiến cho biết đường tu tập. Vì như cái bề lớn, hết thầy mọi thứ độc, đều không thề làm biến đổi hư hại được, bồ-tát cũng thế. Hết thầy những kẻ ngu dốt không có trí-luệ, không biết ăn oán, dận giữ, ngoan ác, kiêu ngạo lên mặt, tâm thì mù mịt không biết pháp hay, các chúng sinh ác như thế, làm ra nhiều sự bức bách phiền não như thế, cũng không thề quấy rối được bồ-tát.

2. Không vì thấy chúng sinh có tình tệ ác thấy lầm-lung ác, khó hàng phục được, mà liền bỏ ngay, mà không chịu tu phép hồi-hương, mà chỉ lấy cái nguyện lớn làm áo dày làm mũ trụ để tự trang nghiêm mình, để cứu độ cho chúng sinh, không hề thoái chuyễn. Không vì thấy chúng sinh không biết báo ơn mà thoái công hạnh bồ-đề, mà bỏ cái đạo bồ-đề, không vì thấy cùng ở một chốn với kẻ phạm phu mà bỏ một cái mầm

lạnh, hết thầy đều thiệt như chân như, không vì thấy chúng sinh thường sinh lầm chuyện lời thối, mà sinh lòng chán ghét họ.

3. Bồ tát ma-ha tát thấy chúng sinh gây ra mọi nghiệp, phải chịu mọi nỗi cực khổ. Vì cái chương ấy, không được thấy Phật, không được nghe pháp, không được biết lắng, liền nghĩ như thế này: Ta sẽ vào trong các đường ác kia, chịu hết nỗi khổ thay cho chúng sinh, khiến cho được giải thoát. Khi bồ-tát chịu những nỗi khổ độc như thế, thì lại càng tinh tiến chăm chỉ, không bỏ không lười, không sợ không hãi, không lui không khiếp, không hề chán nản. Sao thế? — Vì được thỏa như lời nguyện quyết lẽ, đã hết thấy chúng sinh khiến cho giải thoát cả.

4. Ta sẽ vì hết thầy chúng sinh ở trong hết thầy thế giới, hết thầy trong các ngã ác mà chịu thay các nỗi khổ cho đến hết kiếp sau này, nhưng vẫn thường khuyên chúng sinh tu tích mầm lành, Sao vậy! — Vì rằng thà để mình ra chịu khổ như thế, chứ không để cho chúng sinh đọa vào địa ngục, ta sẽ cầm cổ cái thân ta vào những nơi hiểm nạn, địa ngục súc sinh, diêm vương mà cứu chuộc chúng sinh trong các ngã ác đều được giải thoát.

5. Bồ-tát xem rõ cả mọi thế-giới, chỉ vì tham chút mũi dục-lạc, chịu vô-lượng khổ như thế, nên quyết, không vì các thứ ngũ-dục kia mà cầu đạo vô thượng, tu hạnh bồ-tát mà chỉ vì một sự muốn làm cho hết thấy các chúng sinh được các thứ yên vui mà phát tâm, tu tập, viên mãn các nguyện lớn, chắt hết những giây-chối khổ chúng sinh, khiến cho được giải thoát hết.

6. Khi tu tập thiện căn hồi hướng, liền nghĩ nói như thế này: « Các chúng sinh kia, tự cứu mình không xong còn cứu ai được, chỉ có một mình ta quyết mọi chi lớn không ngại, tu tập thiện căn, hồi hướng như thế này, là muốn độ khắp hết thầy chúng sinh, là muốn

soi khắp hết thầy chúng sinh, là muốn chỉ dẫn hết thầy chúng sinh, là muốn tỏ ngộ cho hết thầy chúng sinh, là muốn trông nom cho chúng sinh, là muốn nhiếp thụ cho hết thầy chúng sinh, là muốn về thành cho chúng sinh, là muốn cho chúng sinh đều được vui vẻ, là muốn cho hết thầy chúng sinh đều được sung sướng, là muốn cho hết thầy chúng sinh đoạn hết mọi ngờ.

7 Ta phải như vầng mặt trời soi khắp hết thầy, không cần báo ơn, chúng sinh có làm sự ác đều dung được hết, quyết không vì thế mà bỏ lời thề nguyện, quyết không vì một chúng sinh ác mà bỏ hết thầy chúng sinh. Chỉ chuyên một mặt tu tập thiện-căn hồi hướng, khiến cho hết thầy chúng sinh đều được yên vui.

8. Ta sẽ làm cõi nhà ở cho hết thầy chúng sinh, vì muốn cho khỏi hết các sự khổ, ta sẽ làm người bảo hộ cho chúng sinh, vì muốn cho giải thoát hết mọi sự phiền não, ta sẽ làm chỗ quy túc cho chúng sinh, vì muốn cho thoát khỏi mọi sự sợ hãi ta sẽ làm lối đi cho hết thầy chúng sinh, vì muốn cho đến nhất-thiết-trí, ta sẽ làm chỗ yên ủi cho hết thầy chúng sinh, vì muốn cho được chốn thực là yên ổn, ta sẽ làm ánh sáng cho hết thầy chúng sinh, và muốn cho được ánh sáng trí tuệ mà diệt nỗi ngu si mờ tối, ta sẽ làm bó đuốc cho hết thầy chúng sinh, vì muốn phá hết các màn vô minh che lối cho chúng sinh; ta sẽ làm đèn cho hết thầy chúng sinh, vì muốn cho được ở yên vào nơi thật thanh tịnh, ta sẽ làm thầy đưa đường cho hết thầy chúng sinh, vì muốn khiến cho vào cả trong pháp chân thật, ta sẽ làm ông thầy đưa đường lớn cho hết thầy chúng sinh, vì muốn cho chúng cái trí tuệ hơn không còn vướng mắc gì nữa.

Ngoài sự mở lòng bồ-đề làm đạo bồ-tát ra lại còn phải cần chú ý đến phép tu tịnh độ. Điều đó tôi tưởng các ngài cũng đều biết cả, ở trong kinh Vô-lượng-thọ đã nói rõ, ngài Pháp tạng tử-khưu, tu hành nhiều kiếp,

trạng nghiêm nên cõi tịnh độ. Vì sức nguyện của ngài quá khứ, vô cùng vô tận, đó tức là cái kết quả mở lòng bồ-đề làm đạo bồ tát của đức A-di-đà Phật vậy. Nay chúng ta được sẵn của mà hưởng thụ, mà tự chúng ta không nghĩ học phép bao kiếp tu hành trạng nghiêm tịnh độ như đức Di đà, không biết rõ một lòng thành đem cả tính mệnh mà quy về với đấng đạo sư như thế, mà thế nguyện nương tựa ngài mãi mãi, thì còn nghĩ tưởng cái gì nữa ư! Một điều khẩn yếu nhất cho chúng ta là trước hết phải biết đến cái công bao kiếp tu hành của đức Di-đà như thế nào đã. Tôi từng xem nhiều câu kệ tán đức Di-đà của các tổ ngày xưa, có nhiều bài rất hay, như những bài A-di-đà Phật thân kim sắc, bài thập phương lam thế Phật v. v. đều là những bài khiến cho người tán thân ngấm vịnhi không bao giờ chán vậy. Hết thấy sự vật trên thế giới, có sinh tất có diệt, có thành tất có hoại, có sướng tất có khổ hết thấy đều là sự vô thường sinh diệt cả, chỉ có Phật pháp mới thực là có thường, mới thực là giải thoát. Thế mà sao ta lại không tin không tu? ở trong công viên Đái-đục kinh thành Luân-dôn nước Anh lối, ngày nào cũng có người diễn thuyết, bày tỏ những phương pháp cứu tế xã hội, cải lương chính-trị của mình, mỗi khi tới nhà rồi, lại càng biết rõ rằng: Muốn tìm phương pháp chân chính cứu tế mình và cứu tế người khác, chỉ có một phép, là phép niệm Phật cầu sinh sang tịnh độ.

Phật pháp có thể đem ứng dụng trong gia-đình ngoài xã hội được cả, vì Phật pháp đối với đạo lý làm người, không có trái nhau chút nào cả, vì Phật pháp không gì là không bao hàm hết không gì là không xem xét hết vậy. Ở bên Âu-châu gần nay cũng phát triển ra nhiều học-thuyết mới như những phái triết-học của ông Khổng Đức, chuyên giảng về trí thức, lại có những chủ nghĩa lý tính (rationalisme) chuyên giảng về lý tính,

đó đều là cái đạo lý nói riêng về một mặt, còn Phật pháp đã không chuyên trọng về tri kiến, mà cũng không chuyên trọng về lý-tin. Mỗi đây lại có một phái gọi là quý học. Phật pháp cũng không phải thuộc về môn học ấy.

Theo Phật pháp thứ nhất phải thuận tụy, không phải ỷ phụ vào chỗ nào. Phật pháp có giá trị chân thiết, có tiền đồ chân thật của Phật pháp. Tôi nói đến đây, lại cảm giác thấy sự nghiên-cứu về sự khoa-học trong thế-giới này, vô cùng vô tận, vẫn thường có tiến bộ, vẫn thường có phát minh. Song cái đời người ta, chẳng qua một thời kỳ vài ba mươi năm, phỏng có tiến bộ được là bao, hiện nay khoa-học nghiên-cứu đã đến trình độ nào rồi, hết đời chúng ta, e cũng chỉ thấy nó có đến chừng ấy mà thôi. Vậy thì chúng ta một mặt phải chờ đợi sự tiến bộ của nó, một mặt phải tự tin lấy mình, phải mở lòng bỏ-đỡ, phải làm đạo bỏ-tát, phải niệm Phật, cầu sinh về Tây-phương, ngõ hầu mới không có phí mình vậy.

Thiền Chủ trương dịch

---

## PHẬT - LUẬT - HỌC

---

(Tiếp theo)

Một hôm Phật ở núi Kỳ-sà-khất thuộc thành La-duyệt, cùng các đệ-tử thuyết-pháp. Vua A-sà-thế là một ông vua hào hùng chúa tể nước Ma-kiệt, định khởi quân đánh chiếm nước Bạt-kỳ, là một nước nhỏ ở gần vùng đó, trước khi cử binh vua liền sai viên đại-thần tên là Vũ-sá đến núi Kỳ-sà đề bạch Phật, nói rằng nước ấy nó kiêu-ngạo không chịu tùng phục nên nay ý muốn đánh dẹp, nên chăng thế nào nhờ Phật dạy cho xin hết lòng vâng mệnh.

Khi Vũ-sá đến bạch, gặp giữa lúc các đệ-tử đang ở đây đông, Phật liền quay lại hỏi tổ Át-nan :

Người có nghe thấy tiếng nói những nhân dân nước Bạt-kỳ thường họp nhau luôn mà giảng nói những việc chính-trị không? đáp, có được nghe, nếu được vậy thì sự hòa thuận nhón nhỏ càng ngày càng tăng, mà nước lại lâu bền không ai xâm lấn được, người có nghe thấy vua tới nước ấy trên dưới hòa thuận kính lẫn nhau không? đáp, có được nghe; người có nghe thấy nhân dân nước ấy vắng pháp sớm hôm không hề trái lễ độ không? đáp, có được nghe; người có nghe thấy nhân dân nước ấy hiếu thờ cha mẹ kính theo thầy dạy không? đáp, có được nghe, người có nghe thấy nhân dân nước ấy cung - phụng tôn-miếu kính sợ quý-thần không? đáp, có được nghe, người có nghe thấy nhân dân nước ấy ăn ở chân chính trong sạch nết na đến như nô đùa cũng không nói bậy không? đáp, có được nghe, người có nghe thấy nhân dân nước ấy mến chuộng đạo pháp mà tôn thờ các bậc Sa-môn, và kính trọng vị Tri-giới chăm nom nuôi đỡ chưa từng biết mỗi không? đáp, có được nghe. Nếu các sự ấy đã làm được thì sự hòa thuận nhón nhỏ càng ngày càng tăng mà nước lại lâu bền không ai xâm lấn được vậy.

Lúc đó, Vũ-sá ở ngoài nghe đoạn, liền đứng ngay giậy lễ dập đầu xuống chân Phật mà bạch Phật rằng: Nếu quả như vậy thì một điều cũng đủ cho nước tôi chịu bại hoại rồi, chẳng là họ lại làm trọn cả bảy, thì còn đánh thế nào được, đoạn lấy tạ ra về, sau lúc đó vua A-sà-thế phải bãi việc binh ngay. Ấy, sự luật-pháp là quý-báu như vậy, một nước nhỏ con mà khiến cho nước lớn hùng-mãnh phải nề sợ

nếu không nhờ có thể lực của luật-pháp chống vững, thì dưới ngọn cờ lùm của nước Ma-kiệt kia. nước Bạt-kỳ còn phải chịu bao nỗi lăm than thâm khổ. Nên biết rằng : dù đời xưa hay đời nay phong trào hóa học dẫu có biến đổi mặc dầu, nhưng con đường luật-pháp lễ độ thì bao giờ cũng phải thế.

Việc thôn, việc nhà, việc nước đã có căn-cơ liền một một thẳng tiến lên việc đạo. Song việc cầu đạo cũng không phải là dễ, lúc mới thoạt đầu tìm được đạo chân chính cao sâu mà tu cũng khó, khi đã tìm được nhận rõ chỗ đáng mà tu lại khó nữa, vì nếu tu nhầm thì chỉ khó nhọc mất công mà không được tí gì bổ ích cả.

Một hôm Phật ở núi Tỳ-ha-la hang cây Thất-diệp thuộc nước La-duyệt-kỳ cùng các đệ tử thuyết pháp. Bấy giờ có một người giống Phạm-chí tên là Ny-câu-đa cùng với Cư-sĩ Tân-dã-na đứng biện luận về đạo hơn kém, Phật liền gọi tên Phạm-chí mà dạy bảo cho biết những chỗ hần tu sai, cả thầy ngót năm mươi điều tá-giới thuần là diên-đảo như chớp, không phải là những điều đáng tu, thế mà từ xưa chí nay hần cứ chấp là phải mà ra công khổ hạnh cho thêm uổng hại cái thân, sau đó Phật lại chữa lại những giới kia đi ít nhiều để cho có muốn theo tu cũng được một phần còn con là bị phụ công đức của đạo. Tên ấy nghe đoạn mừng rỡ, liền lễ Phật mà hỏi : thế nào là thụ tiết của đạo ? Phật bảo :

Như người tu khổ-hạnh kia, nếu không sát sinh và không bảo ai sát, trộm cắp, tà dâm, nói dối cũng thế, lại đem lòng lạnh đầy khắp một phía, các phía cũng vậy, mà lòng lạnh ấy rất là rộng lớn, không còn gì sánh đời, không biết đâu mà lường, đầy rẫy khắp thế-gian không khe chít lại một chỗ, lòng thương, lòng mừng, lòng sợ cũng như vậy, thế là được thụ-tiết của đạo, Lại bạch rằng : xin nói cho nghĩa khổ-hạnh kiên cố. Phật dạy : như người tu khổ-hạnh kia, nếu không sát sinh lại



dạy người đừng sát sinh, cho đến được lòng lành, thương, mừng, sả như trên rồi, lại tự biết được những việc hàng vô số kiếp về đời trước, từ việc ở một đời hai đời hay là nhiều đời, cùng những thời kỳ thế-gian thành bại, số kiếp trước sau, thấy đều thấy rõ, lại nhận được cả rằng : trong những thời gian ấy, ta thường sinh ra thuộc miền nước kia họ hàng, tên tuổi ở đời, sự ăn uống, sự khổ vui thọ mệnh sống lâu chết non là thế, chết đi ở chốn này lại sinh ra chốn kia, hay ở chốn kia sinh đến chốn này, cũng đều nhớ tường tận được hết, thế là khổ-hạnh kiên cố vậy. Lại bạch rằng : thế nào gọi là đệ nhất thắng ? Phật dạy : nếu đã được các công-hành như trên kia rồi, lại được mắt thần trong sạch mà soi xét khắp loài chúng-sinh, những chỗ sinh ra chết đi, hình sắc đẹp xấu, nơi hưởng thụ lạnh dữ, nơi bị đọa bởi làm càn như thế nào đều biết hết, lại biết rõ những kẻ nào thân làm nghiệp bậy, miệng lòng cũng bậy, chế nhạo Hiền Thánh, tin nhầm hiểu sai, đến khi lâm chung, bị sa ba đường ác, hoặc lại có người, ăn ở hiền lành trái lại những điều trên, mà được sinh cõi người cõi giới, những người phúc đức đó lại được con mắt thần trong sạch, đem soi xét hết thấy chúng sinh, mà biết rõ được mọi sự của chúng-sinh ấy, cũng như trên nói cho đến thấy cả nơi bị đọa bởi làm điều càn nỡ, các sự đời trước nhưn nhô không một ly nào lồi sót, thế, là khổ-hạnh kiên cố đệ nhất thắng vậy.

Nhân có biết tu giới-luật chính-kiến, thì mới được những lợi ích lớn lao lạ lùng như vậy, vì chưng cái lợi ích ấy không

phải là chỉ bởi ở sự ép sát liễu minh cứ cố làm mà được. cốt sao cho rành rọt chỗ tà chỗ chính rồi tiến theo con đường chính mà đi, như thứ giới-luật của đạo Phật thì sát với lẽ nhân-quả, hợp với tính mọi loài, ấy mới chính là đệ nhất thẳng, nếu còn mờ ám chưa được như vậy tức là Tà-kiến Giới-luật, cùng một công tu khó nhọc mà lại tu phải thứ giới-luật tà-kiến thì chỉ khổ sở thiệt đời mà thôi, chứ đối với đạo thì tuyệt đường hy vọng.

Song sự tu đạo cốt phải giữ giới-luật cho trọn vẹn, mà các điều lành nhơn nhỏ cần phải làm, còn là người trong thế-tục, về những hoàn cảnh sinh nhai súc-bách, hay vì bất buộc đôi đái thể tình, lại phần ai dục còn phải nặng nợ đeo bông quẩn dật, cho nên ít được tự tại an nhàn mà tu cho đạt đạo được, nếu đi xuất-gia thì đã bỏ hết các sự vướng vít của nghiệp gia-đình, chỉ quyết một niềm chuyên tâm làm việc đạo, nên về đường tình nghiêm giới-luật sẽ dễ làm hơn, vả lại đường hành vi của người xuất-gia có lắm điều rất trong sạch cao-quý. ngay chỗ làm đó đã thể hợp với đạo rồi, nhưng trước khi chứng đạo cần phải bỏ lòng kiêu mạn chấp chược.

(còn nữa)

## Chuyện các Thánh-tăng

(Tiếp theo)

Ông ở trong chùa, sư Cụ sai năm ông sư ông và mười chú tiểu hầu hạ ông, coi như học trò ông vậy. Lúc đó ông mới lên chín tuổi, mà đã được người tôn kính đến như thế.

Đến năm ông 12 tuổi, bà mẹ ông mới giắt ông về nước Quy-tự, các nước đều sai sứ-giả đến mời ông và hứa phong cho ông tước vị nhất phẩm, song ông đều từ tạ cả.

Sau đó, có một khi bà mẹ ông giắt ông đến núi Bắc-sơn trong nước Nguyệt-chi, có một vị La-hán trông

thấy ông, lấy làm lạ lòng quá mới nói với bà mẹ ông rằng : « Bà phải trông nom chú tiểu này cho thật cẩn thận, hễ đến năm 35 tuổi mà không phá giới, thì có thể làm cho Phật-pháp được rất thịnh, và độ được vô-lượng chúng-sinh, cũng y như ngài Ưu-ba cúc-đa vậy. Nếu giới hạnh không hoàn toàn, thì không làm gì được nữa, mà chẳng qua chỉ là một vị Pháp-sư có tài có nghệ mà thôi ».

Khi ông đến nước Sa-lặc, vào trú ở một ngôi chùa lớn. Trong chùa có một cái bát của Phật rất lớn, ông liền cầm mà đội lên đầu rồi ông nghĩ rằng : quái, cái bát của Phật to thế này, làm sao mà lại nhẹ như thế nhỉ ? Ông vừa nghĩ đến thì thấy nặng chũu xuống, không thể đội nổi nữa, keng một tiếng, bát rơi xuống đất. Bà mẹ ông vội hỏi : « Làm sao thế ? »

- « Lòng con có phân biệt, cho nên bát có lúc nặng lúc nhẹ ».

Ông ở lại nước Sa-lặc một năm, tụng tụng A-lý-dâm, về các phẩm Thập-môn và tu-trí, đều không phải hỏi ai mà hiểu suốt được nghĩa huyền-diệu, mà đến các vấn đề lục-túc, cũng không còn một chút nào là không thông hết.

Trong nước Sa-lặc có một vị pháp-sư tên là Hỷ-kiến, nói với vua rằng : « Chú tiểu La-thập đó, bề hạ chớ có khinh thường, nên mời chú ấy lên thuyết pháp thì được hai sự lợi ích : một là khiến cho các thầy sa-môn nước ta được thấy mình kém không bằng một chú tiểu, thì sinh lòng tửu thẹn mà cố gắng tu hành. Hai là vua nước Quy-tư biết chú La-thập đang ở nước ta, vì đang sẵn lòng tôn kính La-thập, thì tự nhiên tôn kính đến nước ta mà sẽ lại giao-biêu với nước ta. » Vua nghe lời, liền mở một pháp-hội lớn mời ông La-thập lên tòa giảng kinh thuyết pháp luôn. Quả nhiên chưa đầy ba ngày, thì vua nước Quy-tư sai một vị đại-thần đem nhiều lễ vật lại kết tình hòa hiếu.

Khi đó ông La-thập, hàng ngày trừ lúc thuyết pháp ra, có thì giờ thừa, ông lại đi khảo cứu các kinh sách ngoại-đạo, xem rộng cả đến Tử-vi - đả-diễn và các sách luận về ngũ-minh cùng thiên-văn toán số. Những sự tốt xấu họa phúc ông đã nói ra, thì không bao giờ sai mấy may nào. Có lúc cao-hưng, ông lại viết các văn chương bài bác ngoại-đạo và diễn ra những lời văn vấn đáp về đạo nữa.

Song, tính ấy vốn là người thẳng thắn khoát-đạt, đối với những các nết nhỏ nhặt, không hề xét nét kỹ, cho nên những nhà tu hành cố chấp đều rất ngờ ông, nhân ngờ nên mới xảy ra những lời không tốt. Nhưng ông vẫn có chỗ đặc ý riêng của ông, cho nên đối với những lời nói xấu ấy, không có để tâm đến một chút nào!

Đang lúc đó lại có hai anh em Sa-sa vương-tử và Tham-quân vương-tử, đều đem đất nước nhường cả cho người khác mà xuất-gia làm hòa-thượng cả, Ông anh pháp-daub là Tu-lợi-gia bạt-đà; ông em pháp-daub là Tu gia-lợi tô ma. Nhưng kẻ phần tài học kỹ-nghệ, thì ông Tu-gia-lợi tô-ma siêu việt hơn nhiều, ông chuyên đem giáo-pháp đại-thừa mà giáo-hóa chúng sinh, vì thế nên anh ông và các học-giả đều y ông làm thầy. Lúc đó ngài La-thập cũng rất kính trọng ông và ông cũng sẵn lòng sẵn sóc lắm. Một hôm ông cùng ngài La-thập dâng kính A-lôc-đạt ngài La-thập nghe đến đoạn ngũ-ấm, lục nhập, thập-nhi-xứ, thập-bá-giới đều là hư là huyền, là không có tướng cả, ngài lấy làm lạ lùng quá, mới hỏi ông Tô-ma rằng: « Kinh này còn có nghĩa lý gì nữa không? làm sao phá hoại hết thầy mọi pháp như thế? ». Ông Tu-gia-lợi-tô nói: « Những pháp đó chỉ có cái tên xuống đó thôi, chứ không có thật đâu ». Đó là vì ngài La-thập chấp trước những phép ấy như cái vật gì có tuật, cho nên ông mới đem nghĩa không - hết đó để

mà phá trừ cho. Song ngài La-thập vẫn chưa tin hẳn, mới đem kinh Luận đại-tiền thừa ra mà nghiên-cứu kĩ càng. Nguyên ngài là một người đại trí-tuệ, cho nên không bao lâu, ngài đã hiểu rõ cái nghĩa không của ông Tu-gia lợi-tô nói, không những không nhầm chút nào, mà lại đúng với đạo lý cực cao thâm! mới than tiếc rằng: « Trước kia mình học theo nghĩa tiền-thừa thực chẳng khác gì kẻ không nhận được vàng tốt, lại cho đá hoa là vật quý giá hơn!» Từ đó ngài chuyên học các kinh Phương-dương, tìm nhiều nghĩa hay, lại học nghĩa phép đại-thừa như Trung-luận, Bách-luận, và Thập-nhị môn luận v.v.

Về phía bắc nước Quy-tur có một nước tên là nước Ôn-túc, trong nước ấy có một nhà đạo sĩ thông minh tuấn tú, biện luận như thần, các nước đều biết cả. Hễ thường đánh trống nhà vua đối trước đại chúng phát thề rằng: Hễ ai biện luận được hơn tôi, tôi xin chặt ngay cái đầu này ra để tạ ơn!» Xem đó đủ biết lòng hãn ngạo mạn là nhường nào, con mắt hủu khinh đời là nhường nào! Không bao lâu, ngài La-thập cùng mẹ đi tới nước đó, đem hai nghĩa mọi pháp đều không và ta cũng không hỏi hẳn, Hãn liền ngơ ngác, chẳng biết trả lời ra làm sao, liền chạy tới trước ghế ngài La-thập mà sụp lạy quy y. Từ đó tiếng ngài La-thập, như tiếng sấm tiếng sét lung trời. Từ bên tả núi Thông-lĩnh, cho đến ngoài sông Hoàng hà, không ai là không biết, không ai là không trọng. Sau đó vua Quy-tur thân chinh đến nước Ôn-túc đến ngài về nước. Từ khi ngài trở về nước Quy-tur, giảng thuyết nhiều kinh, các học giả bốn phương, đều không thể đối trọi với ngài được. Bấy giờ có một vị ny-cô tên là A-kiệt-gia-mạt-đế, là con gái vua nước Quy-tur. Ny-cô cũng là một bậc học kinh điển rất rộng, nhất là công phu thiền định lại càng tinh thâm lắm, eừ người ngoài nói thì Ny cô đã

chúng được quả vị thứ hai rồi. Sau khi Ny-có nghe ngài La-thập thuyết pháp rồi, lấy làm đắc ý lắm, liền xin vua mở một hội lớn thỉnh ngài La-thập dâng nghiã áo-riệu trong kinh Phương đẳng. Ngài La-thập mới đem những đạo lý muôn pháp trong vũ trụ đều là không, ta cũng là không và phân biệt ngũ-âm, thập-bát-giới đều là cái tên đặt tạm ra, chứ không phải là có thực mà nói đi nói lại, phân tách kĩ càng cho nghe. Đại chúng trong pháp hội nghe rồi ai nấy đều hối hận những sự sai lầm khi trước và tiếc rằng biết đạo đã quá muộn màng!

Năm ngài La-Thập hai mươi tuổi, mới làm lễ thụ giới ở trong cung vua, theo ngài Ty-ma-la-xoa học Thập-tụng:

Một hôm, bà mẹ ngài La-thập bảo anh là vua nước Quy-tư rằng: « Vận nước của anh sắp đến lúc suy rồi, tôi sẽ rời sang Thiên-trúc đây!» Khi bà đi bà lại răn ngài La-thập rằng: « Con ơi! mẹ xem đại-thừa giáo-pháp của đức Như-lai, sau này sẽ rực rỡ sang bên đông-thở, mà công quả đó hoàn toàn trông vào lực-lượng của con cả đấy! chỉ hiềm đối với con thì không có ích gì thôi, biết làm sao đặng?»

Ngài La-thập thưa rằng: « Bồ-tát hành đạo, chỉ cần lợi ích cho chúng sinh, nếu quả làm được phép lớn lưu truyền, khiến cho số nhiều chúng sinh được tỏ ngộ, thì thân con dù vào lò than vạc dầu, chết cũng không có ân hận gì!» Bà mẹ nghe đoạn, khen con vô hạn. Từ đó hai mẹ con chia tay đôi ngã, ngài La-thập thì ở lại nước Quy-tư, mà bà mẹ ngài thì sang Thiên-trúc, chúng quả thứ ba.

Một hôm ngài La-thập kiếm được một bộ Phóng-quang kinh ở trong cung cũ chùa mới, ngài lấy làm vui mừng hết sức, mở ra xem xét, nào hay trong khoảng giấy lạt quyền kinh biến ra toàn thị giấy trắng, không còn có một chữ nào. Ngài lấy làm lạ

lòng quá : « vừa rồi mở ra; rõ ràng có đầy những chữ kia mà. làm sao chớp mắt đã biến ra một quyển toàn giấy trắng thế này ! Ô ! có lẽ, có lẽ là ma vương lại trên quấy sao ! có lẽ nó sợ đem kinh Phóng-quang này tuyên dương ra, sẽ độ được nhiều chúng sinh cho nên nó che mất hết cả chữ trong kinh đi chăng » ! Ngài nghĩ thế, nên ngài càng tin rằng kinh Phóng-quang này có ích lợi lớn lắm, cho nên ngài càng thế nguyện kiên cố, không đọc được thuộc kinh ấy không chịu thôi. Ma-vương biết không cách gì che mãi, đành phải lui ra, mà chữ trong kinh lại thấy rõ ràng như trước, mà ngài La-thập mới đọc được kinh. Bỗng lại nghe thấy trong không có tiếng nói rằng : « Ngài là người đại trí tuệ, sao lại đọc quyển kinh nhỏ mọn ấy ? » Ngài điềm nhiên nói : « Ma bé con kia, chạy cút ngay đi, lòng ta như đất, lay thế nào được ! »

Ngài La-thập ở trong chùa mới hai năm, đọc được nhiều kinh luận đại-thừa, và đều hiểu xuất tời nghĩa mẫu nhiệm. Vua Quy-tư cho làm một cái tòa sư-tử ngồi đặc biệt bằng vàng, trên giải thắm gấm nhà Tần để ngài ngồi thuyết pháp.

Một hôm ngài sực nhớ đến một việc chưa làm xong, mới nói với vua Quy-tư rằng : « Thấy tôi chưa lĩnh-ngộ được cái lý mẫu nhiệm phép đại-thừa, tôi sẽ phải đi khuyến hóa thầy tôi, không thể ở lại đây mãi được ».

Vừa nói được một ngày, thì hôm sau hốt nhiên thấy ông Bàn-dầu đạt-đa tới, vua Quy-tư vui mừng khôn xiết và hỏi : « Sao đại sư lại quang lâm đến nước tôi là nước kinh địch với quý quốc như thế ? »

Ông Bàn-dầu đạt-đa nói : « Một là tôi nghe tin đệ-tử tôi là La-thập ngộ-đạo phi-thường, hai là nghe thấy đại-vương tôn sùng Phật pháp, cho nên tôi mạo hiểm không quản xa xôi ngàn dặm mà tới đây ».

Ngài La-thập thấy sư-phu tới, rất hợp với ý của ngài nên ngài lấy làm sung sướng quá, liền đem kinh Đức-nữ-

vấn giải nghĩa cho sư phụ nghe. Nguyên bộ kinh này là một bộ kinh nói rõ hết thầy đạo lý mọi phép mọi sự vì duyên sinh ra ở trong thế gian đều là hão huyền giả dối hết, Cái đạo lý ấy là một đạo-lý sư phụ ngài trước vẫn không tin, chớ nên ngài nói cho sư phụ ngài nghe trước. Song sư-phụ ngài nghe rồi, vẫn chưa cho là phải mà hỏi lại rằng: Người đối với phép đại-thừa thấy được đạo-lý gì cao thâm đặc biệt mà tôn kính đạo ấy đến như thế? \*

Ngài La-thập thưa rằng: « Cái lý xâu xa màu nhiệm của đại-thừa, là hiểu rõ được hết thầy mọi phép đời nhạn là có đều là không ráo, mà tiểu-thừa thì thiên chấp, hẹp hòi, bó buộc trong vòng danh tướng ».

— Người nói hết thầy mọi pháp đều không, ta cho cái tư tưởng của người như thế là đáng sợ lắm! Thế-gian này làm gì có cái lẽ vất bỏ những pháp có thực mà yêu thích cái không ấy được. Sự đó cũng như một cái truyện trước kia có một người hóa rồng báo người thợ dệt dệt cho một tấm lụa rất nhỏ mười. Người thợ dệt dệt tấm tinh tế dệt được một tấm lụa cực nhỏ mười như máy bụi, mà người rồng kia vẫn còn kêu là thô. Người thợ dệt tức quá, mới chỉ lên tiền không mà báo rằng: Kia mới là thứ tơ rất nhỏ mà! Người rồng nói: Sao ta không trông thấy? Người thợ dệt nói: « Tơ này nhỏ lắm, chính con mắt thợ như tôi còn chẳng trông thấy, huống chi người khác? » Người rồng nghe nói cho là thú lắm, liền thương cho người thợ rất nhiều tiền; kì thực ra có một sợi tơ nào đâu! cái phép không của người nói cũng một lối như người rồng đó mà thôi! \*

Một người đã cố chấp cái chỗ thấy biết của mình là phải, chính như một cái bình pha lê đã đựng đầy nước, nếu có đổ sạch nước trong bình ra, thì mới có thể đựng sữa sư-ử vào được. Ngài La-thập biết sư-phụ mình đã cố chấp cái phép có thật quố bỏ ngay được, mới dùng đủ cách thí dụ khéo léo mà nói đi nói lại cho nghe mãi, trải qua một tháng ròng, bấy giờ



Sư-phụ mới than phục mà nói rằng : « Thầy không hiểu xuất trừ lại mở mang được chí cho thầy », câu ấy đến nay mới tin là đúng thực. Vì thế ông liền lấy ngài La-thập mà bạch rằng : « Hòa-thượng là thầy đại-thừa của tôi, mà tôi là thầy tiểu-thừa của Hòa-thượng ! »

Mỗi khi ngài La-thập ra thuyết pháp các vua chúa đều quý dài bên tòa ngồi để cho ngài bước qua lưng mà lên pháp tọa, nên người bên Tây-vực càng kính tin ngài nhiều lắm.

Đạo đức và học vấn của ngài đã vang lừng ở bên Tây-vực, tự nhiên tiếng tăm ngài phải lưu truyền đến Trung-thế.

Hồi tháng giêng niên hiệu Kiến-nguyên thứ 13 đời Tần-phù-kiến, quan Thái-sư tâu lên rằng : « Thần xem thiên-văn, có một ngôi sao rất sáng hiện ở địa phận nước ngoài, sẽ có một vị đại-đức đại-trí tới Trung-quốc này mà phò tá nền thánh hóa » !

Phù-kiến nói : « Trẫm nghe bên Tây-vực có một vị pháp-sư tên là Cư-ma-la-thập, và ở Tương-duong có một vị Sa-môn tên là Đạo-an, cái người khanh tâu là đại-đức đại-trí, có lẽ ứng vào hai người ấy chăng » ! ?

Tháng hai niên hiệu Kiến-nguyên thứ 17, vua nước Thiện-thiện và vua nước Biện-bộ cho sứ đến dụ-thuyết Phù-kiến xin đem binh đánh cõi Tây-vực. Đến hồi tháng 9 niên hiệu Kiến-nguyên thứ 18, Phù-kiến mới sai quan Nhiêu-kị tướng-quân là Lã-quang, và bọn Giang-lãng tướng-quân là Khương-phi và cùng vua Tiễn-bộ và vua Xa-sư, thống lĩnh 7 vạn binh sang đánh các nước Quy-tư và Ô-kỳ. Tới ngày cất quân ra đi, Phù-kiến cho đặt một tiệc rất lớn ở cung Kiến-chương và thân chinh ra tiễn hành. Trong lúc dự tiệc, Phù-kiến phủ dụ Lã-quang rằng : « Đế-vương là người thay mới hành đạo, phải nên yêu dân như yêu con đỏ. Lần này trẫm cho đem binh đi đánh nước ngoài, không phải là tham đất cát của họ đâu, mà chỉ cần đón lấy một vị đại-đức

đại-trí về thời. Trẫm nghe nói ở bên Tây-vực có một vị pháp-sư tên là Cưu-ma lá-thập, là một người học Phật xâu rộng phi-thường, mà các môn bói toán thâm độn, cũng rất tinh thông, thật là một vị thiện trí-thức ở đời này, là một vị đại-tôn-sư trong buổi này, trẫm ngày đêm hâm mộ, không lúc nào nguôi. Phải biết người hiền triết là của báu lớn của nhà nước! Các anh nếu đánh được nước Quy-tư rồi, thì phải đón ngay vị pháp-sư ấy mà đưa về ngay.»

Trước khi bọn Lã-quang chưa tới nước Quy-tư mấy hôm, ngài La-thập đã nói với vua Bạch-thuần rằng: «Vận nước nhà đã suy lắm rồi, sẽ có một quân địch rất lớn đến xâm lấn! Hiện nay tất có người tư phụng đòng lại, xin đại-vương đón tiếp họ cho cung kính, đừng có kháng cự lại làm gì.» Quả nhiên chưa đầy ba ngày cánh quân Lã-quang đã đến dưới thành. Bây giờ mà bảo họ nghe lời ngài La-thập, thì thế cũng không làm được nữa, cho nên vua Quy-tư cũng cho động binh giống ngựa, mở cửa thành ra đối địch. Lã-quang mới phá tan quân Quy-tư, giết vua Bạch-thuần, mà lập em vua Bạch-thuần là Chấn lên làm vua, ngài La-thập cũng bị Lã-quang bắt được. Lã-quang thấy ngài con 11 tuổi, lại chưa từng khảo xét về trí-tuệ của ngài, cho nên cũng coi thường như một kẻ bình dân, bắt ép ngài lấy con gái vua nước Quy-tư, mà ngài nhất định cự tuyệt. Lã-quang nói: «Học hạnh pháp-sư còn kém cha xưa nhiều, hà tất phải cố từ làm gì?» Ngài nói: «Học hạnh tôi tuy không bằng cha tôi khi xưa, nhưng về phần lập chí thì tôi quyết làm hơn!» Lã-quang nghe nói lặng thinh.

Ngọn đèn pha-lê vừa khêu cao, trong một phòng khách bài chí rất lộng lẫy, trên bàn bày la liệt đồ ăn nửa chay nửa mặn, đều là những món sơn-hào hải vị rất quý báu. Sau khi mời ngồi, ngài La-thập bị ép vào ghế đầu lớp, con gái vua Quy-tư ngồi ở ghế thứ hai,

Lãng-giang tướng quân Khuơng-phi ngồi ở ghế thứ ba. Lã-quang tự ngồi chủ tọa. Ba người đều ân cần mời ngài La-thập uống rượu. Tuy ngài hết sức từ, song không thể tránh khỏi kẻ này mời một câu, người kia ép một chén. Ngài vốn chưa từng uống rượu bao giờ, mà bọn kia thì cố ý lừa ngài, cho nên chưa bao lâu, ngài đã bị chúng khênh vào một gian nhà kín, mà con gái vua Quy-tư cũng phải vâng lời Lã-quang bảo mà vào ở đấy.

Một vị tu giới hạnh thuần khiết như ngài La-thập, đã bị chúng đánh lừa làm như mất tiết như thế, mà ý Lã-quang vẫn chưa lấy làm cam tâm, lại còn bắt ngài cưỡi trâu dữ và ngựa bất kham chủ ý là định làm hại tính mạng ngài, song ngài vẫn một lòng từ bi nhẫn nhục, cho nên trâu ngựa dữ đến thế nào, mà ngài cưỡi lên, đều hóa ra thuần cả. Lã-quang thấy ý, tự lấy làm hổ thẹn mới thôi.

Lã quang đã đánh tan nước Quy-tư, đã bắt được ngài La-thập là đã đạt mục-đích rồi, mới hát khúc khải ca kéo quân về nước. Một hôm tướng sĩ đi đã chẵn chân mỗi gỏi, tinh thần khốn đốn, phải đóng binh ở dưới một trái núi để nghỉ. Ngài La-thập bảo Lã-quang rằng: « Phải rời ngay dinh lên trên gò cao kia, đừng có đóng ở đây, trái lại tất bị hại to đến nơi ». Lã-quang không nghe, đến nửa đêm hôm ấy quả nhiên trời đổ mưa rào. như giội nước xuống, sóng bề trên lên, nước sâu đến hai ba trượng, chết trôi mất ba bốn ngàn người. Đến lúc đó Lã-quang mới biết ngài La-thập thực có chỗ khác đời lắm lắm! Hôm sau, ngài La-thập lại bảo Lã-quang rằng: « Đây là một chỗ không lành, không nên đóng lại. tôi tính số vận, nên mau về nước, giữa đường tất có chỗ tốt lành cho ta ở yên ». Đã bị một lần trước rồi, lần này Lã-quang tất phải theo lời. Quân đi về tới Lương-châu, thì nghe tin Phù-kien đã bị Diêu-trành giết mất rồi. Lã quang liền truyền lệnh cho ba

quân đều mặc áo tang mà tự mình lên nối ngôi Hoàng-đế, đặt niên hiệu là Thái-an.

Tháng riêng niên hiệu Đại-an, ở huyện Cô-tang bỗng nổi cơn gió lớn, ngải La thập liền bảo Lã-quang rằng: «Trận gió này là trận gió bất tương, sẽ có kẻ giàu nghịch làm phản, nhưng sẽ giúp được ngay, không khó học gì. » Quả nhiên hai ba hôm sau Lương-khiêm và Bànu-hoàng nổi nhau làm loạn, nhưng binh của Lã-quang kéo đến, liền giúp yên ngay.

Đến niên hiệu Long-phi thứ hai, bọn Trương-dịch, Lâm-tùng, Lu-thủy, Hồ-thư, Cừ-thành-nam và em họ Lã-quang là Mông-lớn lại làm phản, xuy tôn quan thái thú Kiến-khang là Đoàn-nghiệp lên làm chúa. Lã-quang sai con thứ là Tần châu, thú-sử thái-nguyên-công Toản đem năm vạn binh đi đánh dẹp. Cừ như dự luận lúc đó thì ai cũng cho quân của bọn Đoàn-nghiệp là quân ô-hợp, mà quân của Toản có tiếng là tinh-luyện, có oai vọng lắm, thế nào cũng thắng bọn kia. Lã-quang cũng tin là tất được mới hỏi tại La-thập. Song ngài đáp: «Cứ như ý tôi xem xét, thì chuyển đi này chưa chắc đã thắng.» Lúc đó Lã-quang tuy không tin, nhưng không bao lâu Toản bị thua to ở núi Hợp-lê, đó đủ chứng rõ những chỗ ngài liệu trước là không sai một ly nào bao giờ. Lại không bao lâu nữa Quách-huynh lại làm loạn, Toản đem đại binh đi đánh, cũng bị Huynh đánh thua.

Lã-quang có một quan hầu tên là Trương-tư, là người Quang tin dùng lắm. Trương-tư là một người học-vấn cũng có tiếng, mà tính hạnh cũng rất ôn nhã. Sau hẳn mắc bệnh nặng, Lã-quang lo lắng hồn chồn, mời thầy thuốc, cho xem bói, dùng bao nhiêu cách chữa chữa cho hẳn, mà đều không có công hiệu chi cả. Sau đó có một người tu đạo ở nước ngoài tên là La-xoa, tự xin vào chầu và nói rằng có tài chữa được bệnh nặng. Lã-quang mừng quá, mới thưởng cho rất hậu và

bảo vào chữa bệnh. Ngài La-thập biết La-xoa là một đũa di lừa, mới bảo Trương-tư rằng : « Bệnh ông La-xoa không chữa được đâu, chỉ phí tiền và thêm phiền não mà thôi. Số mệnh tuy không biết rõ, nhưng có thể lấy sự thực mà thí nghiệm được ! Ông nên cho lấy chỉ ngũ-sắc, xoa thành một sợi giây, đốt ra than, bỏ than vào bát nước, nếu than nổi lên lại quện lại như hình cái dây, thì bệnh ông quyết không có thể chữa được. » Lã-quang truyền cứ theo lời ngài mà thí-nghiệm, đốt dây cho đỏ vào nước, hốt nhiên do nổi lên mà quện lại thành hình như sợi dây, Sau La-xoa chữa quả không có hiệu nghiệm gì, hai ngày nữa thì linh-hồn Trương-tư đã lìa khỏi xác rồi. Không bao lâu Lã-quang cũng mắc bệnh mà chết nốt. Con Lã-quang là Thiện lên nối ngôi. Được vài ba hôm, con thứ Lã-quang là Toàn giết chết Thiện mà tự lên làm vua. đổi tên nước là Hàm-ninh. Niên hiệu Hàm-ninh thứ hai, có một con lợn sẽ đẻ ra một con lợn ba đầu, lại có một con rồng ở trong cái giếng trái bên đông bay ra nằm ở trước cửa điện, đến sáng sớm hôm sau thì biến mất, Toàn cho là điềm tốt lắm, mới đổi tên điện lớn là điện Long-tướng (rồng liệng). Qua mấy hôm nữa, lại có một con rồng đen quẩn bên phía nam cửa Cửu-ung, Toàn lại đổi tên là cửa Long hưng. Ngài La-thập nói rằng : « Mấy hôm nay rồng ngằn xuất hiện, lợn lạ sinh ra, rồng là loài âm, ra vào có thì giờ nhất định, mà nay hiện ra luôn luôn, đó là điềm chẳng lành, tất có sự biến kể dưới mưu hại người trên. » Toàn không nghe, lại sai lấy bàn cờ ra đánh với ngài La-thập. Toàn ăn một quân vua trái vừa nói : « Chém đầu thắng mọi Hồ. »

« Không chém được đầu mọi Hồ (hồ nó) Mọi Hồ lại muốn lấy đầu người cơ ! »

Ngài La-thập nói thế là tỏ ý cho biết mà Toàn thủy chung vẫn không hiểu. Nguyên con Lã-quang tên là Bảo, con Bảo tên là Siêu, Siêu lúc bé đặt tên là Mọi Hồ

(hồ nô). Sau quả nhiên mọi Hồ giết chết Toàn, đem lấy đầu Toàn mà lập anh nó là Long lên làm vua đến lúc đó mới tin lời ngài La-thập là linh nghiệm.

Ngài La-thập ở Lương-châu đã mấy năm chày, chỉ vì cha con Lã-quang không tin Phật-pháp, cho nên Ngài tuy có tài hiểu xuất nghĩa lý mà không có chỗ nào mà thi hành giáo hóa, mà một người rất tin Ngài như Phù-kiên, không may lại bị Diêu-tránh làm bại, không có duyên được trông thấy mặt Ngài. Diêu-tránh tuy cũng là người thâm tín Phật-pháp, nghe thấy cái tên cao xa của Ngài, cũng rớt một lòng đi thỉnh Ngài, song lại bị tội họ Lã nó ngăn trở, không cho Ngài vào phương Đông, vì chúng sợ Ngài là người tài trí xong toàn, song đó lại giúp Diêu-tránh mà làm hại chúng. Khi Diêu-tránh chết, con là Diêu-hung lên nối ngôi, lại sai người sang thỉnh, tội họ Lã cũng không cho.

Tháng ba niên hiệu Hoảng-thủy thứ ba đời Diêu-hung, trong sân nhà thờ bỗng nảy ra một cây liên cành, hành ở trong vườn Tiêu dao bỗng biến ra rau cần, ai nấy đều cho là điềm tốt lành, quyết có một vị trí tột phi thường tới nước Tần này. Đến tháng năm năm ấy, Diêu-hung sai Lũng-tây-công Thạc-đức đem binh sang đánh Lã-long, quân Long thua to. Đến tháng chín Long mới dâng biểu xin hàng. Bấy giờ mới đón được ngài La-thập vào trong Quan-trung. Ngày 20 tháng chạp Ngài tới Tràng-an, Diêu-hung đãi Ngài theo như lễ thầy. Long trọng phi thường. Ngoài việc coi châu ra, xuất ngày Diêu-hung cùng Ngài cùng nghiên-cứu Phật-pháp. Diêu-hung từ nhỏ đã được hổ hun đúc cho, nên từ bé đã tin xưng Tam-bảo, có chí hoằng dương đạo Phật lớn. Nay đã đón được ngài La-thập, liền mời ngài vào ở gác Tây-ninh và vườn Tiêu dao để phiên-dịch kinh luận.

Phật pháp truyền sang Trung-thổ, bắt đầu từ đời vua Minh-đế nhà hậu Hán, trải qua mấy đời Ngụy-Tấn, kinh luận cũng dịch được nhiều, nhưng phần nhiều về

văn tối nghĩa, lại sai cả cái ý xấu rộng trong văn phạm. Diêu-hưng mới ủy các vị Sa-môn như: Tăng-lược, Tăng-thiên, Pháp-khâm, Đạo-lưu, Đạo-hằng, Đạo-tiên, Tăng-duệ, Tăng-chiệu hơn tám trăm vị chịu dưới quyền ngài La-thập chỉ bảo, cùng theo dõi việc biên-dịch. Ngài La-thập nói được tiếng Tàu rất sõi, cho nên ngài dịch được rất trải truốt. Khi đó ngài dịch được các kinh luật luận ba trăm bộ như: Thập-trụ, Pháp-hoa, Thủ-lăng-nghiêm, Đại-phẩm-bát-nhã, Tiểu-phẩm Kim-cương bát-nhã, Duy-ma, Tư-ích, Tri-thế, Phật-Tạng, bồ-tát tạng, Di-giáo, Thập tụng luật, Bồ-tát giới-bản chư luật, Thành-thực-luận, Thập-nhi-nhân-duyên, Bồ-đề vô-hành, A dục tự-tại-vương, Nhân-duyên quán, Tiểu-vô-lượng-thọ, Tân-hiền-kiếp, Thuyền-kinh, Thuyền-pháp-yếu, Thuyền-yếu-giải, Di-lặc thành Phật, Di-lặc hạ sinh, Thập-tụng giới bản, Thập-trụ-luận, Trung-luận, Bách-luận vân vân, ước hơn ba trăm quyển. Sau đó ngài cầm bản chữ Phạm, Du-riêu cầm bản dịch cũ, hai bên cùng so sánh nhau, phạm những đoạn mới dịch khác với bản dịch cũ, thì đoạn mới nghĩa lý viên thông hơn bản cũ, mà văn tự cũng lưu lợi hơn, vì thế nên ai nấy đều tin phục và tán thán Ngài hết sức.

«Phật-giáo là một giáo không gì hơn, các pháp tu Phật đã nói ra, về mặt tiêu-cực thì cốt rèn cho người ta chừa hết mọi sự ác, về mặt tích-cực thì cốt khuyên cho người ta gắng làm mọi sự thiện, đó là một cái bè rất quý báu vớt cho chúng sinh ra khỏi bể khổ, là một cái khuôn vàng chỉ cho chúng ta biết cách trị đời!» Trong tư tưởng Diêu-hưng thường nghĩ như thế, mà miệng Diêu-hưng cũng thường nói như thế, cho nên Hưng mới thâm thái lấy những nghĩa cốt yếu trong ba tạng 12 bộ làm thành một bộ Thông-tam-thế-luận (bản xuất ba đời) vạch tỏ cái lẽ nhân quả thiện ác cho đời, coi như chỉ rõ ở trên bức tranh vậy. Lúc đó, trong nước, trên từ vương-công, dưới đến trăm họ, không mấy

người là không tin Phật. Mà kể về phần kinh Phật tin Phật nhất thì có hai ông Đại-tướng-quân thường sơn công Hiền, Tá-tướng-quân an thành hầu Tung. Hai ông thường thỉnh ngài La-thập tới chùa lớn trong kinh thành Tràng-an diễn giảng kinh mới, bốn phương xa gần kéo nhau đến xem rất đông, Phật pháp lúc đó thực là một thời kỳ cực thịnh vậy!

Long quang có một vị Hòa-thượng tên là Đạo-sinh, học-vấn tri-tuệ cực kỳ cao thâm, văn-chương của Hòa-thượng đã làm ra đều rất mực huyền diệu chân chính, thế mà Hòa-hượng còn sợ rằng mình nói có chỗ sai lầm, đề làm cho người sau, nên Hòa-thượng đặc cách thân đến Quan-trung nhờ ngài La-thập chỉ bảo đính chính lại cho. Cu Tuệ-viên ở Lu-sơn là một vị Hòa-thượng học xuất cả ba tạng, mà Hòa-thượng vẫn cho rằng bây giờ là lúc cách thánh đã xa, cảm thấy giáo pháp của Phật phần nhiều thích hợp với đời Phật xưa, mà chưa thích-tợp hết với đời bây giờ, mới sinh ra nhiều chỗ ngờ và thường thường viết thơ đến hỏi ngài La-thập, Xem thế đủ biết sự học-vấn của ngài cao-xâu là dường nào, kiến-giải của ngài chân-chính là dường nào. thực đáng là bậc thiện-tri-thức cho đời ấy và làm thầy cả cho muôn đời về sau nữa.

Có một ông sa-môn thường theo luôn bên ngài tên là Tuệ-duệ, tài học tri-thức của ông cũng rất cao-minh. Ngài La-thập thường cùng ông bàn về lối văn từ bên Tây-phương « Lục nước Thiên-trúc rất trọng văn chương, hết thấy các lối, hễ lời nào âm điệu du dương phải được vào đàn mới cho là hay. Đại khái những khi vào châu vưa hát ca bài khen ngợi công đức, trong phép châu Phật cũng trọng nhất lối ca tán. Hiện nay trong kinh thường có những bài kệ bài tụng, ấy tức là lối đó! Nhưng vì khi dịch văn Phạm ra văn Tàu rồi thì đã mất hết cả chỗ tay chỗ khéc, tuy cũng còn giữ được đại ý trong văn, nhưng đối với



thê vẫn thi thật là giắt hóc không thê vào được nữa. Sự đó cũng như mình nhai cơm mớm cho người ăn, không nhũng không còn vị gì mà lại buồn nôn ra nữa. Ngài La-thập có làm ra mười bài tụng, có một bài tụng cho Sa-môn Pháp-hòa rằng :

*Non tâm gây dựng nên đức sáng,  
Sức nức mùi thơm muốn đậm trường  
Chim loan rêu rất cây vông lể,  
Xuốt chín từng máy lộng tiếng vang.*

Ngài La-thập vốn thích về giáo nghĩa đại thừa, những quyết chí làm cho được mở mang, nhưng vì hoàn cảnh lúc đó, khiến cho ngài không làm được, nên ngài thường than thở rằng : « Nếu ta cầm bút việc luận đại-thừa, thì ông Ca-chiên-duyên cũng không bằng ta được. Nay trong đất Tần, ít người có trí thức lớn, cũng như con chim bồng gẫy cánh còn bay làm sao được ! Mỗi khi ngài nghĩ đến đó thì thê thâm không vui. Sau đó ngài chỉ làm cho Diêu-hưng hai quyển Thực-tướng-luận và chú giải kinh Duy-ma lời lẽ óng chuốt, nghĩa lý sâu xa, nói ra thành văn không cần sửa chữa.

« Thông minh giác ngộ như Đại-sur, tôi xem xuất thiên hạ bây giờ, thực không có người nào là thứ hai nữa, nếu nhất đán có sự bất trắc, có lẽ nào để cho giòng pháp không người nối dõi được ư ? » Diêu-hưng thường lo như thế, và thường nói với ngài như thế ; sau đó Diêu-hưng liền kén mười người cung nữ mà bắt ép ở chung với ngài. Từ đó trở đi, ngài không ở trong chùa nữa mà gịon ra ở riêng ở một dinh quan ; các đồ ăn dùng, do chính-phủ cung cấp lẽ tự nhiên là cúng dàng cực kì phong túc vậy. Ngài lấy thế làm hổ thẹn lắm, nên mỗi khi ra thuyết pháp ngài tất chỉ vào ngài mà nói câu thí dụ cho chúng nghe rằng : « Vì như trong chỗ bùn nhơ bần, nảy ra đóa hoa sen, vừa đẹp vừa thơm, mong rằng các ngài chỉ nên hái lấy hoa sen, đừng có lấy bùn thối ».

Một hôm, ông thầy dạy ngài học luật trước là cụ Ty-ma-la-xoa tìm sang thăm ngài. Vì cụ mới đến, chưa biết sự ngài bị bức ở chung với đàn bà, mới hỏi rằng: « Anh ở đất Hán, có nhân duyên lớn, vậy thì số đệ tử đắc pháp được nhiều hay ít ? »

Ngài đáp. Bên này chưa đủ kinh luận, các kinh luận mới dịch, phần nhiều do tay con truyền dịch ra cả. Còn số đệ tử đắc pháp, được đến hơn ba nghìn người. Nhưng con vì nghiệp chướng sâu dày, cho nên không hay hưởng thụ cái lễ kính thầy của bọn họ mà thôi! Ở Bành-thành có một vị Tỷ-khiêu tên là Bội-độ, nghe nói ngài La-thập ở kinh Frang-an, mới than rằng: « Tôi với anh ấy bốn đời xa nhau hơn ba trăm năm, chưa từng gặp gỡ, thôi đành để đến kiếp sau lại gặp nhau mai. Đó có lẽ là vị Tỷ-khiêu ấy biết rõ cái duyên ở đời của ngài không được mấy nữa chăng? »

Quả chưa ngày 19 tháng 8 niên hiệu Hoảng thủy thứ 11, ngài bỗng thấy khó ở, trong lòng ngài thấy có sợ sệt, mới tự tụng ba lượt thần-chú và bảo các đệ tử người Tây-vực tụng giúp để cứu hộ mình. Nào hay tụng đến ngày thứ hai, không những không có hiệu gì mà người càng thấy trầm trọng thêm, ngài biết rõ là cái duyên của ngài với đời sắp hết rồi! Mới cố gắng ngồi dậy, từ biệt với chúng rằng: « Chúng ta kiếp trước có duyên với nhau, kiếp này được gặp nhau trong Phật-pháp, lời những mong mỗi cùng với các ngài cùng hoằng dương giáo-pháp Đại-thừa, cho được thỏa cái nguyện lớn của tôi, nào hay vô-thường sự đến, số thọ khó qua, mà phải cùng các ngài vĩnh biệt! tự biết... » Ngài nói đến đấy, thấy hình như có một vật gì ngẩn cổ, hồi lâu không nói tiếp được nữa. Đại chúng càng thêm thương cảm, nước mắt tràn hòa. Hơi thở ngài đã đoan dần, ngắc ngắc mãi mới lại nói tiếp được rằng: « Tôi tự biết tôi ngu muội, lạm xưng vào ban phiên dịch, tính số kinh luận đã dịch

ra, chừng hơn ba trăm quyển, chỉ còn riêng một bộ Thập-lung-luật, tôi chưa sửa lại, nhưng cũng còn giữ được ý chỉ căn bản, có lẽ không đến nỗi sai lầm. Tôi nguyện rằng các kinh luận đã dịch ra, sẽ được lưu truyền cho đời sau, và cùng làm cho lưu thông rộng khắp ra. Bấy giờ đối trước đại chúng, tôi xin thành thực phát lời thề nguyện rằng: « nếu các kinh điển tôi đã dịch ra, mà không sai lầm, thì khi thiên xác tôi, lười tôi, không cháy! » Ngài nói đến đó thì giọng nói nhỏ dần, chỉ người đứng gần mới nghe rõ, còn thì chỉ trông thấy cái môi ngài may máy mà thôi.

Không khí trong phòng lúc đó thật là lạnh ngắt, mà lại rất thắm đượm bị ai! cứ thế cho đến quá trưa ba giờ đồng hồ, mới thay sang một vùng không khí rất phiêu tảo và rối rên. Ôi! Linh hồn ngài La-thập đã tuyên cáo thoát-ly hết mối quan hệ với thân thể ngài rồi! Sau đó làm theo lễ ma bèn Thiên-chúc, rước thi thể ngài vào làm lễ thiêu ở trong vườn Tiêu dao. Đến lúc thiêu xong toàn thân cháy ra do cả, chỉ còn một cái lười của ngài là còn nguyên như cũ!

Số kinh của ngài dịch ra tuy nhiều đến hơn ba trăm quyển, nhưng theo lời một vị hòa-thượng ở Tây-vực sang sau nói, thì số kinh của ngài khảo cứu tinh tường dịch ra thế chưa được một phần trong mười phần!

Lúc ngài mới sinh có đặt một tên là Cru-ma-la-ki-bà đó là theo phong tục ở bên Tây trúc lấy cả tên cha là Cru-ma-viêm và tên mẹ là Kỳ-bà mà đặt tên con vậy.

Tính ngài La-thập rất từ bi, rất chung hậu, tiếp đãi người có vẻ hòa nhã phi thường. Ngài không những không cậy mình trí-tuệ học thức hơn người mà khinh người, mà lại thích đi học khôn của người khác. Ngài đối với học trò, thân yêu sốt sắng, dắt dẫn dần dần, xuất ngữ không trán. Cho nên đến lúc ngài tịch, không ai là không khóc thảm thiết và than rằng: « Trời ơi! sao trời độc ác thế hồi trời? Trời cướp mất thầy giỏi của tôi đi đâu? »

Ngày tháng ngài tịch. mỗi sách chép một cách, sách thì nói niên hiệu Hoằng-thủy tứ bẩy, sách thì nói niên hiệu thứ tám, sách thì nói niên hiệu thứ mười một, mà xem bản kinh dịch ra, cũng thấy có cả bản dịch niên hiệu thứ mười một, không biết sách nào là đúng nữa.

## THỜI SỰ

### TIN THẾ GIỚI

#### Mặt trận Anh-Đức-Y Hy

Anh Đức vẫn dùng máy bay đánh phá lẫn nhau, Đức đã đổi chiến lược không quân bằng hai cách: Cứ một đoàn bay rất thấp, cách mặt đất hai ba mươi thước để bắn súng liên thanh xuống, một đoàn lại bay rất cao ném bom xuống. Về mặt bề thì tàu ngầm Đức đánh rất lợi hại, tàu buồm của Anh bị thiệt nhiều. Anh đã phải cầu cứu Mỹ giúp lái-chính và tàu buồm cho, nếu Mỹ không giúp thì Anh khó lòng kháng chiến đặc lực mãi được. Mặt trận Anh-Y-Hy thì hiện quân Hy đã thắng lợi nhiều, sở dĩ thắng trận nhiều thế, phần vì quân Hy chiến đấu rất hăng hái, phần vì Anh giúp nhiều máy bay và xe-tăng, cho nên quân Y cứ phải lùi hoài. Có tin thủ tướng Y có lẽ lại cùng quốc-trưởng Đức hợp mặt, có lẽ là bàn về việc nhờ Đức giúp chăng? nên lại có tin đồn là quân Đức đã kéo đến gần địa-giới Y.

### TIN TRUNG - NHẬT

Nhật đã ký hợp ước với Nam-kinh. Chính-phủ Uông-tinh-Vệ đang hoạt động về mọi phương diện, lại sắp chuẩn chỉnh cả nền tài-chính lại, nên vừa tổ chức một Trung-ương ngân hàng mới. Chính-phủ Trưng-khánh cũng có phái bản nếu hòa, nhưng cũng chưa ngã ngũ hẳn về mặt nào.

### TIN TRONG NƯỚC

Gần nay nước Xiêm thường hay khiêu khích với Đông-dương, có khi dùng tàu bay ném bom vào vài nơi ở Ai lao, có khi bắn máy phát đại bác sang, sự thiệt

bại không mảy, Chánh-phủ Đông-dương cũng có trả thù lại, cho máy bay ném bom sang đất Xiêm, nhưng vẫn tuyên bố nếu Xiêm muốn đàm phán nổi lại cuộc hòa hảo trước, Chánh-phủ Đông-dương cũng sẵn lòng hòa hảo.

PHƯƠNG DANH CÁC VỊ CÔNG ĐỨC CÙNG  
TIỀN LÀM CHÙA HỘI QUÁN  
TRUNG ƯƠNG

M. Nguyễn-văn-Thịnh, 12 bis Cité Said (Haiphong	5\$00
M. Nguyễn-tử-Vân, 128 Rue Strasbourg	- 1.00
M. Hoàng-công-Ngọc, 61 Rue de l'Abattoir	- 10.00
M. Nguyễn-sơn-Hà, 74 Amiral Courbet	- 10.00
M. Ly, Louen, 123 Avenue d'Odendhal	- 2 00
M. Tô-phương-Tập, 141 Avenue Paul Doumer	- 2.00
M. Đặng đạh-Chấn, 16 Route Lạch-tray	- 1.00
M. Võ-văn-Thụy, 12 bis Route Lạch-viên	- 1.00
M. Nguyễn-thụ-Phụng, 15 bis Maréchal Pétain	- 1.00
Mme Phùng thị-Nguyệt, 38 Rue Strasbourg	- 5.00
Mme Đỗ-thị-Lương, 17 B Maréchal Pétain	- 1.00
Mme Phùng-thị-Quá dite Giá, 30 Maréchal Pétain	- 1.00
Các cụ Bồ tát Hội Tế-thi ở chùa Sở Hadông	100.00
M. Trần-văn-Ngọc, 73, Phố Đông-tân Hanoi	5.00
Cụ Lớn Võ-hiến Hoàng-trọng-Phu, Avenue	
Pierre Pasquier Hanoi	500.00
Hai Cụ Lớn Bà Chánh-hội-trưởng Hội Phật-giáo	
Nguyễn-năng Quốc Thái-hà-ấp Hoàn-long Hadông	500.00
M. Nguyễn-văn-Thực, 40 Phố hàng Giấy Hanoi	5.00
M. Bùi-thụy-Đông, 61 phố Hàm-long	- 10.00
Cụ Lớn Tuần Đào-hữu-Khôi, 33 Phố Trường-thị	- 40.00

M. Lương-xuân-Ngoạn, ở Phố Cửa-nam	— 10 00
M. Ngô văn-Dần, Chánh-hội xã Thanh-vi	
Tùng-th ện Sơn-tây	0\$30
M. Lưu văn-Quyền, xã Thanh-vi	— 0 30
M. Kiều-văn-Mầu chánh-hội Mai-trai	— 0.20
M. Nguyễn-văn-Chế, lý-trưởng Mai-trai	0.20
M, Chánh-hội Đạm-trai	— 0.20
M. Phùng-văn-Thuật, Phó-hội Đạm-trai	— 0.20
M. Phùng-văn-Vân, lý-trưởng Sơn-lộc	— 0 20
M. Phùng-văn Thư, kỹ-mục Sơn-lộc	— 0.30
M. Nguyễn-văn-Bích, Débitant d'opium Ái-mỗ	— 0 50
M. Nguyễn-gia-Hoan, lý-trưởng Cung-thuận	— 0 50
M. Nguyễn-hữu Quang, lý-trưởng Sơn-vi	— 0.30
M. Nguyễn-viết Trọng, Trưởng bạ Cung-thuận	— 0.50
M. Chu-văn-Diên, Cửu-phẩm làng Yên vệ	— 0.50
M. Chu-văn-Khảm, làng Yên-vệ	— 0.50
M. Phùng-văn-Ngưu, cựu phó-tổng xã Bảo-vệ	— 0.50
M. Phùng-đình-Chuyên, cựu hội-viên Yên-vệ	— 0.50
M. Chu-văn-Bắc, lý-trưởng làng Yên-vệ	— 0.50
M. Phùng-văn-Anh, lý-trưởng làng Thanh-tri	— 0.30
M, Phùng-văn-Diệp, lý-trưởng làng Ngõa-thu	— 0.30
M. Phùng-văn-Nghi, cựu lý-trưởng xã Bảo-vệ	— 0 30
M. Lương-văn-Bào, lý-trưởng xã Vị thủy	— 0.30
M. Lương-văn-Văn, phó-hội xã Vị-thủy	— 0.30
M. Lưu-văn-Vệ, lý-trưởng xã Thanh-vi	— 0.30

## KHẨN CÁO

---

Còn mấy ngày nữa là hết năm 1940, xin các vị  
độc giả yên quý của Đuốc-Tuệ kíp gửi tiền về giả cho.  
Các ngài nên nghĩ đến vận mệnh Đuốc-Tuệ có đứng  
vững được với buổi reo neo này hay không, đều là ở  
trong tay các Ngài cả.

Hiện nay bản báo đã ủy ông Văn và ông Thông đi  
thu tiền báo các tỉnh, và ông Châu thu tiền báo ở  
Hanoi. Khi các ông ấy đến thu tiền, các Ngài hỏi xem có  
carte của bản báo cấp cho đi cỡ-động báo và thu tiền  
thì các Ngài cứ giả tiền mà lấy biên-lai chính thức  
không ngại gì cả.

Nay kính cáo

# HỘP THƠ

Phương danh các vị độc giả Đ. T.

Đã trả tiền báo bằng mandat.

M.M. Nguyễn-văn-Chấn, Thanh-hóa	3\$00
Trần-Tích, Mỹ-tho	1.50
Lê-văn-Hải, Thanh-hóa	3.00
Đoàn-trung-Còn, Saigon	0.80
Hà-văn-Định, Vĩnh-yên	1.50
Nguyễn-văn-Mô, Nam-định	3.00
Vũ-duy-Húc, Nam-định	3.00
Nguyễn-trác-Anh, Nam-định	1.50
Lưu-Chí, Nam-định	1.00
Lại-ngọc-Mỵu, Nam-định	0.80
Phạm-văn-Kiêu, Nam-định	2.30
Trần-văn-Hoàn, Nam-định	1.00
Thiện-Bửu, Hà-tiên	1.50
Phan-văn-Len, Cochinchine	1.50
Khưu-văn-Chú, Cochinchine	.50
Nguyễn-trọng-Huê, Tourane	.50
Vacquier, Namđịnh	.50
Lê-Du, Nha-trang citadelle	1.50
Võ-văn-Sanh, Nha-trang Citadelle	1.50
Trương-trọng-Nghĩa, Đập-cầu	1.50

Cùng ngài Nguyễn-trọng-Huê Tourane : Ngài còn thiếu tiền báo từ số 123 ra ngày 1er-1-1940 đến số 147 là số cuối năm nay ra ngày 15-12-1940.

Chúng tôi xin cảm ơn các vị độc-giả đã trả tiền báo bằng mandat, vậy ngài nào chưa trả xin gửi về cho bản báo tiện việc làm sổ cuối năm.

Đuốc - tuệ